LỜI CHỦ CHĂN

Vĩnh Long ngày 20.03.2023

Kính gửi: Quý Cha
Quý Tu sĩ nam nữ
Và tất cả anh chị em Gp. Vĩnh Long

V/v HIỆP THÔNG TRONG GIÁO HỘI THEO CHIỀU ĐỨNG VÀ CHIỀU NGANG

Thưa anh chị em, trong năm nay chúng ta sẽ chọn mười hai đề tài dựa theo chủ đề mục vụ năm 2022 của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam : Đồng hành với người trẻ trong đời sống Giáo hội và xã hội. Giáo phận Vĩnh Long, trong Gợi ý Mục vụ lần IV, sẽ nói về Hiệp Thông theo Chiều Đứng và Chiều Ngang được trích trong Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội (*Lumen gentium*), Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo (GLHTCG) và Thư gửi các Giám mục của Giáo hội Công giáo về một số khía cạnh của Giáo hội của Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, ngày 28 tháng 5 năm 1992.

Theo các bài Diễn văn, Hiến Chế, Sách Giáo Lý của Giáo Hội và Tự Điển Đức Tin Kitô Giáo, chúng ta cố gắng bàn đến cách vắn tắt các vấn đề sau đây liên quan đến từ ngữ Hiệp thông. Trước hết Hiệp thông là một đặc sủng như Thư gửi các Giám mục của Giáo hội Công giáo về một số khía cạnh của Giáo hội của Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, ngày 28 tháng 5 năm 1992, số 3 diễn tả : "*Để có được một nhãn quan Kitô giáo về sự hiệp thông, điều thiết yếu là phải nhìn nhận điều đó trước hết như một quà tặng của Thiên Chúa, như hoa trái của sáng kiến thần linh được thực hiện trong mầu nhiệm vượt qua*".

1- Định nghĩa chữ Hiệp thông

Hiệp thông dùng để chỉ một cơ chế, một phẩm tính hoặc một nhân đức có bản chất, có khả năng làm cho các thành phần hiệp

nhất với toàn thể, đặc biệt trong Kitô giáo chúng ta, là Kitô hữu sống hiệp thông, hiệp nhất với nhau trong Chúa Kitô. Đức tin là suối nguồn hiệp thông, mang tính hiệp thông Kitô giáo. Tất cả những người tin vào Thiên Chúa hiệp thông với nhau sống đức tin, sống Lời Chúa, sống các Bí tích của Giáo Hội. Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo số 949 nói đến điều này : "Trong cộng đoàn tiên khởi ở Giêrusalem, các môn đệ chuyên cần nghe các Tông Đồ giảng dạy, luôn luôn hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh, và cầu nguyện không ngừng (Cv 2,42). *Sự hiệp thông trong đức tin*. Đức tin của các tín hữu là đức tin của Hội Thánh, được đón nhận từ các Tông Đồ, là kho tàng của sự sống, một kho tàng khi được truyền thông thì lại thêm phong phú".

Trong ngôn ngữ Kitô Giáo, hiệp thông là từ ngữ linh thiêng nhất dùng để chỉ sự kết hợp dưới nhiều hình thức khác nhau. - Hiệp thông giữa Thiên Chúa và con người chúng ta khi Thiên Chúa ngự trong linh hồn chúng ta. - Hiệp thông giữa Đức Kitô và người rước lễ, tiếp nhận Mình Máu của Ngài. - Hiệp thông giữa những người thuộc về Hội Thánh Công Giáo làm thành cộng đoàn các tín hữu. - Hiệp thông giữa những người thuộc về Nhiệm Thể Chúa Kitô trong mầu nhiệm các Thánh thông công mà chúng ta học biết trong sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo. 954. Ba tình trạng của Hội Thánh. 957. Hiệp thông với các Thánh. 958. Hiệp thông với những người đã qua đời. 959. Trong gia đình duy nhất của Thiên Chúa.

2 - Nguồn gốc chữ Hiệp thông. *Kinh Thánh*. Hiệp thông được hiểu là sự tham dự siêu nhiên vào sự sống thần linh, được hiệp nhất với Chúa Cha, nhờ Chúa Giêsu Kitô Con của Ngài (1 Ga 1, 3b), trong Chúa Thánh Thần (2 Cr 13, 13). *Thần học*. Hiệp thông diễn tả mối liên hệ huynh đệ giữa các Kitô hữu với nhau, sống trong sự hiệp nhất với Thiên Chúa Ba Ngôi. Tất cả các mối liên hệ vô hình và hữu hình, nội tâm và xã hội làm nên sự sống của Giáo Hội trên trần gian này (x. Tự Điển Đức Tin Kitô Giáo)

3- Mục ý, ý định Hiệp thông là gì ? Thưa là làm thế nào để Thân thể Mầu nhiệm Duy nhất được thể hiện qua Chúa Giêsu là

đầu và Hội thánh là thân thể : Giáo Hội địa phương xung quanh các Giám mục. Các Giám mục của Giáo Hội địa phương này hiệp nhất với nhau, các ngài tập hợp tất cả mọi thành phần dân Chúa sống sự hiệp nhất với Giáo Hội hoàn cầu, nghĩa là hiệp nhất với Đức Giáo Hoàng (Giám mục Rôma) Đấng Kế Vị Thánh Phêrô là trung tâm và là vị thủ lãnh, quy tụ tất cả các Giáo Hội địa phương đang có mặt trên khắp thế giới.

4 – Thể hiện sự Hiệp thông. Theo tinh thần Lá thư trên, thì : "Để khái niệm *hiệp thông*, vốn không đơn nghĩa, có thể đóng vai trò chìa khóa cho việc giải thích giáo hội học, nó phải được hiểu trong giáo huấn Kinh Thánh và truyền thống giáo phụ, trong đó hiệp thông luôn bao hàm một chiều kích kép: chiều đứng (hiệp thông với Thiên Chúa) và chiều ngang (hiệp thông giữa những con người)" (số 3). Lá thư này cũng cắt nghĩa rất rõ :

- Chiều đứng. Chúng ta có thể nói chiều đứng hay chiều hướng thượng là Kính mến Chúa và sống với Chúa qua các chiều kích khác nhau : "Mối liên hệ mới giữa con người với Thiên Chúa, được thiết lập trong Chúa Kitô và được thông ban trong các Bí tích, cũng được kéo dài nhờ mối liên hệ mới giữa con người với nhau. Do đó, khái niệm *hiệp thông* phải có khả năng, một mặt, diễn tả bản chất bí tích của Giáo hội trong khi "*chúng ta sống lưu vong xa Chúa*" (*2 Cor* 5, 6. Cf. Const. *Lumen gentium*, n. 1)"

- Chiều ngang. Chúng ta có thể nói chiều ngang hay chiều hướng đến con người chúng ta với nhau : "và mặt khác, là sự hiệp nhất đặc biệt làm nên sự hiệp thông, các phần tử trung thành của cùng một Thân Thể, Nhiệm Thể Chúa Kitô (Cf. ibidem, *2 Cor* 5, 6…), một cộng đồng có cấu trúc hữu cơ (Cf. Const. *Lumen gentium*, n. 11/a.), "*một dân tộc được quy tụ trong sự hiệp nhất của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần*" (cf. Const. *Lumen gentium*, n. 4/b.) cũng được phú cho phương tiện cho phép sự kết hợp hữu hình và xã hội của nó (Cf. Const. *Lumen gentium*, n. 9/c.)".

Đến đây, chúng ta áp dụng Phúc âm Mt 22, 36-40 vào trong của sống của chúng ta theo hai chiều kích trên.

- Chiều đứng. Kính mến Chúa

Giới răn đầu tiên và quan trọng nhất rõ ràng là Kính mến Chúa. Tình yêu này cần phải được phát triển một cách tự nhiên. Mặc dù yêu mến Chúa là một giới răn, nhưng Chúa sẽ không bao giờ ép buộc chúng ta bày tỏ tình yêu của mình đối với Ngài. Tình yêu đích thực là gì? Rất khó để diễn đạt tình yêu là gì. Một điều chắc chắn là tình yêu phải đúng và trên hết là không vụ lợi. Chúng ta được mời gọi kính mến Thiên Chúa với một trái tim trong sạch không vụ lợi. Chúng ta được kêu gọi kính mến Ngài vì Ngài là Thiên Chúa chứ không phải là những gì mà Ngài đã ban cho chúng ta.

- Chiều ngang. Yêu thương người

Khi chúng ta nói về Kitô giáo, điều đầu tiên xuất hiện trong tâm trí mọi người là đức ái. Không có "tôn giáo" nào rõ ràng hơn, hoặc ít nhất, không quá nhấn mạnh đến nhu cầu yêu thương người thân cận của mình. Chúa Giêsu chết vì yêu chúng ta nhưng trước đó Ngài là người khuyên chúng ta hãy "*yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em*" (Mt 5, 44) hoặc "*đừng chống cự người ác, trái lại, nếu bị ai vả má bên phải, thì hãy giơ cả má bên trái ra nữa*" (Mt 5, 39). Hành động yêu thương cao đẹp nhất mà Chúa Giêsu đã thể hiện là cái chết của Người trên thập giá, tình yêu cao cả : "*Không có tình thương nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng vì bạn hữu của mình*" (Ga 15, 13). Ngài không làm điều đó cho chính Ngài mà cho chúng ta, và chúng ta được mời gọi để bày tỏ tình yêu hy sinh tương tự cho người lân cận của mình.

Chúng ta được kêu gọi yêu thương tha nhân không giới hạn, tha thứ không giới hạn, chịu đựng sự sỉ nhục, chỉ trích, nhạo báng và xúc phạm của họ, nhưng để đáp lại, chúng ta xin Chúa chúc lành cho tha nhân. Đó là Hiệp thông chiều dọc và chiều ngang theo tinh thần của Giáo Hội Công Giáo.

Mùa Chay thánh sắp hết, chúng ta bước vào sự Phục sinh vinh quang của Chúa Kitô. Chúng ta cùng nhau chúc mừng Phục sinh, nhưng không quên cầu nguyện với Chúa. Xin Chúa đừng nhìn vào những khuyết điểm thiếu sót của chúng ta, nhưng đoái nhìn đến đức tin của Hội Thánh Chúa ở trần gian và hướng dẫn Hội Thánh của Ngài sống hiệp thông với nhau ngày càng hoàn hảo và trọn vẹn hơn.

+ Phêrô Huỳnh Văn Hai
Giám Mục Giáo Phận Vĩnh Long

Tháng 04/2023

ĐTC PHANXICÔ CHIA SẺ VỀ Ý MUỐN CANH TÂN GIÁO HỘI, VỀ CÔNG ĐỒNG VATICAN II VÀ TÍNH HIỆP HÀNH

Vatican News (28.02.2023) - *Trong cuộc phỏng vấn của hai tuần báo Kitô giáo "Tertio" và "Dimanche" của Bỉ , ngoài chủ đề cuộc chiến ở Ucraina, điều Đức Thánh Cha hết sức quan tâm, điều ngài xem như một thất bại cá nhân khi không thể ngăn đổ máu thêm nữa và những lời kêu gọi đối thoại không ngừng, ngài đặc biệt nói đến ý muốn canh tân Giáo hội ngay từ khi bắt đầu lãnh đạo Giáo hội, đến Công đồng Vatican II và Thượng Hội đồng về hiệp hành đang diễn ra trong Giáo hội.*

Ngày 28/2/2023, hai tuần báo Kitô giáo "Tertio" và "Dimanche" của Bỉ đã đăng nội dung một cuộc phỏng vấn Đức Thánh Cha, được thực hiện ngày 19/12 năm ngoái (2022), hai ngày sau khi Đức Thánh Cha tròn 86 tuổi. Cuộc phỏng vấn kéo dài 45 phút, dài hơn chương trình dự tính 15 phút, được thực hiện nhằm kỷ niệm 10 năm Đức Thánh Cha Phanxicô được bầu chọn làm Giáo hoàng - ngày 13/3/2023.

Khi được biết cuộc phỏng vấn sẽ được đăng nhân dịp kỷ niệm 10 năm kế vị Thánh Phêrô, nghĩa là hơn 3 tháng sau ngày phỏng vấn, Đức Thánh Cha lo lắng hỏi người phỏng vấn: "Nếu có điều gì xảy ra với tôi trong thời gian chờ đợi thì sao?". Nhưng với tính hài hước, ngài nói thêm rằng một xuất bản sau khi ngài qua đời sẽ cho phép ngài nói lời cuối cùng "từ ngôi mộ". Và cuộc phỏng vấn đã diễn ra trong bầu khí vui vẻ, không có nghi thức hoặc thủ tục.

Trong cuộc phỏng vấn, ngoài chủ đề cuộc chiến ở Ucraina, điều Đức Thánh Cha hết sức quan tâm, điều ngài xem như một thất bại cá nhân khi không thể ngăn đổ máu thêm nữa và những lời kêu gọi đối thoại không ngừng, ngài đặc biệt nói đến ý muốn canh tân Giáo

hội ngay từ khi bắt đầu lãnh đạo Giáo hội, đến Công đồng Vatican II và Thượng Hội đồng về hiệp hành đang diễn ra trong Giáo hội. Bên cạnh đó, Đức Thánh Cha không quên nhấn mạnh rằng phụng tự và phục vụ phải đi đôi với nhau. Ngài nói: "Một Giáo hội thuần túy phụng tự thì không phải là một Giáo hội; cũng thế, một Giáo hội thuần túy 'xã hội' thì không phải là một Giáo hội."

Sau đây là một phần nội dung của cuộc phỏng vấn.

Thưa Đức Thánh Cha, tên ngài chọn khi làm Giáo hoàng cũng bao gồm một chương trình nghị sự. Theo gương Thánh Phanxicô Assisi, ngài muốn xây dựng lại và đổi mới Giáo hội, ngài quan tâm đến người nghèo và trái đất, ngài hoạt động vì hòa bình và coi trọng đối thoại liên tôn. Một sợi chỉ đỏ khác để hiểu triều đại giáo hoàng của ngài chính là Công đồng Vatican II (1962-1965), ngay cả khi ngài là vị Giáo hoàng đầu tiên không tham dự Công đồng. Tại sao việc tiếp tục thực hiện Công đồng đó lại quan trọng đối với ngài như vậy?

- Các nhà sử học nói rằng phải mất một thế kỷ để các quyết định của một Công đồng có hiệu lực đầy đủ và được thực hiện. Chúng ta vẫn còn 40 năm nữa…. Tôi rất quan tâm đến công đồng vì sự kiện đó thực sự là một cuộc viếng thăm của Thiên Chúa đối với Giáo hội của Người. Công đồng là một trong những điều mà Thiên Chúa thực hiện trong lịch sử thông qua những người thánh thiện. Có lẽ, khi Đức Gioan XXIII thông báo, không ai nhận ra điều gì sắp xảy ra. Người ta nói rằng chính ngài nghĩ rằng nó sẽ hoàn thành trong một tháng, nhưng một Hồng y đã nói: "Ngài hãy bắt đầu mua đồ đạc và mọi thứ khác, chúng ta sẽ cần nhiều năm." Đức Gioan XXIII đã tính đến điều này, ngài là một người cởi mở với những lời mời gọi của Chúa. Đây là cách Thiên Chúa nói với dân Người. Và ở đó Người thực sự đã nói với chúng ta. Công đồng không chỉ liên quan đến việc canh tân Giáo hội. Đó không chỉ là vấn đề canh tân, mà còn là một thách đố để làm cho Giáo hội ngày càng sống động hơn. Công đồng không đổi mới, nhưng làm trẻ hóa Giáo hội. Giáo Hội là người mẹ luôn tiến bước. Công đồng đã mở ra cánh

cửa cho sự trưởng thành hơn, hòa hợp hơn với những dấu chỉ của thời đại. Chẳng hạn như *Lumen gentium*, hiến chế tín lý về Giáo hội, là một trong những văn kiện truyền thống nhất và đồng thời cũng là văn kiện hiện đại nhất, bởi vì trong cơ cấu của Giáo hội, truyền thống - nếu được hiểu đúng - luôn luôn hiện đại. Điều này là do truyền thống tiếp tục phát triển và lớn mạnh.

Như đan sĩ người Pháp Vincent de Lérins, sống vào thế kỷ thứ 5, đã tuyên bố: các tín điều phải tiếp tục phát triển, nhưng theo phương pháp luận này: "Những điều có thể được củng cố theo năm tháng, được mở rộng theo thời gian, được tôn vinh bởi tuổi tác". Điều đó có nghĩa là: bắt đầu từ gốc rễ, chúng ta luôn tiếp tục phát triển. Công đồng đã tiến một bước như thế, mà không chặt bỏ gốc rễ, bởi vì muốn sinh hoa trái thì không thể làm như vậy. Công đồng là tiếng nói của Giáo hội cho thời đại của chúng ta và trong thời điểm này - trong một thế kỷ - chúng ta đưa nó vào thực tế.

Thưa Đức Thánh Cha, việc tiếp tục thực hiện và thực hiện công đồng bao gồm việc khuyến khích tính hiệp hành. Ngài mong đợi điều gì và thấy trước điều gì trong tiến trình hiệp hành này? Nó thực sự có ý nghĩa gì? Đó có phải là một phong cách điều hành và lãnh đạo bắt nguồn từ những ý tưởng của Công đồng không?

- Có một điểm mà chúng ta không được bỏ qua. Vào cuối công đồng, Đức Phaolô VI đã được đánh động khi lưu ý rằng Giáo hội phương Tây gần như đã đánh mất chiều kích hiệp hành của nó, trong khi các Giáo hội Công giáo ở phương Đông đã có thể bảo tồn nó. Do đó, ngài đã công bố việc thành lập Uỷ ban Thư ký của Thượng Hội đồng Giám mục, để một lần nữa thúc đẩy tính hiệp hành trong Giáo hội. Trong sáu mươi năm qua, điều này ngày càng phát triển. Dần dần một số điều đã được làm rõ. Ví dụ, có phải chỉ có các giám mục có quyền bỏ phiếu. Đôi khi không rõ liệu phụ nữ có thể bỏ phiếu hay không... Trong Thượng Hội đồng lần trước về miền Amazon, vào tháng 10 năm 2019, đã có một sự trưởng thành theo nghĩa này. Vì vậy, có một điều gì đó đặc biệt đã xảy ra. Khi một Thượng Hội đồng kết thúc, những người đã tham gia và tất cả

các Giám mục trên thế giới được hỏi đâu là chủ đề họ muốn trong chương trình nghị sự của Thượng Hội đồng tiếp theo. Chủ đề đầu tiên được chỉ ra là chức tư tế, sau đó là tính hiệp hành. Rõ ràng đó là một chủ đề chung mà tất cả các Giám mục đều cảm thấy đã đến lúc phải giải quyết. Nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập cơ quan thường trực này của các Thượng Hội đồng Giám mục, một số nhà thần học đã lập một bảng cân đối kế toán trong một tài liệu. Chúng ta đến từ xa, bây giờ chúng ta đang ở đây và chúng ta phải tiến về phía trước. Đây là những gì chúng ta làm thông qua tiến trình hiệp hành hiện tại, và hai Thượng Hội đồng về tính hiệp hành sẽ giúp chúng ta làm sáng tỏ ý nghĩa và phương pháp của tiến trình đưa ra quyết định trong Giáo hội.

Điều quan trọng là phải nói rõ rằng một Thượng Hội đồng không phải là một quốc hội. Một Thượng Hội đồng không phải là một cuộc thăm dò ý kiếncủa cánh tả và cánh hữu. Không. Nhân vật chính của một Thượng Hội đồng là Chúa Thánh Thần. Nếu không có Chúa Thánh Thần thì không thể có công nghị. Thượng hội đồng là một kinh nghiệm của Giáo hội mà vị chủ tịch và tác nhân chính là Chúa Thánh Thần. Chúa Thánh Thần hoạt động theo hai cách. Trước hết, Người làm cho Thượng Hội đồng trở thành một loại công trường xây dựng. Hãy nghĩ về buổi sáng ngày Lễ Ngũ Tuần: thật đúng là một công trường xây dựng! Với những đặc sủng dồi dào của Người, dường như Người tạo ra sự rối loạn và hỗn loạn. Nhưng rồi... Người tạo ra trật tự. Hay đúng hơn, Người tạo ra sự hài hòa, một loại trật tự cao hơn. Không phải ngẫu nhiên mà thánh Basiliô thành Xêdarê viết trong chuyên luận về Chúa Thánh Thần, khi ngài cố gắng định nghĩa về Chúa Thánh Thần: “Đấng là sự hài hòa”. Và chính điều này đã được trải nghiệm trong một Thượng Hội đồng.

Một điều thú vị khác: trong một Thượng Hội đồng chúng ta nói rất nhiều. Mỗi người tham gia sẽ có một bài phát biểu dài bốn phút khi đến lượt mình. Sau ba bài phát biểu, luôn luôn có bốn phút thinh lặng, một thời gian để cầu nguyện, để Chúa Thánh Thần có thể giúp đỡ chúng ta. Xem một Thượng Hội đồng như một quốc hội là một

sai lầm. Thượng Hội đồng là một tập hợp của các tín hữu, đó là một cộng đoàn đức tin được hướng dẫn bởi Chúa Thánh Thần, nhưng cũng bị ma quỷ cám dỗ và dụ dỗ.

Thưa Đức Thánh Cha, với thời gian, tại các quốc gia của chúng ta, từ một Giáo hội của đa số, Giáo hội trở thành một Giáo hội được chọn - với số lượng giáo sĩ giảm dần và ít tín hữu hơn - những vị lãnh đạo Giáo hội có xu hướng tập trung vào những gì họ coi là "công việc cốt lõi" của mình: phụng vụ và loan báo Tin Mừng. Nhưng theo cách này, chiều kích phục vụ và các công việc bác ái có nguy cơ trở thành thứ yếu. Trong khi chính ở đó chúng ta tìm thấy những cơ hội để chạm đến trái tim của những người cùng thời với chúng ta. Chẳng phải Giáo hội nên thể hiện bộ mặt xã hội và ngôn sứ của mình nếu muốn vẫn thích hợp cho thời nay sao?

- Chúng ta không thể đặt những sứ mạng này đối nghịch nhau. Chúng không mâu thuẫn nhau. Cầu nguyện, chầu Thánh Thể và thờ phượng không có nghĩa là lui vào phòng thánh. Nó không đúng. Một Giáo Hội không cử hành Thánh Thể thì không phải là một Giáo Hội. Nhưng một Giáo hội ẩn mình trong phòng thánh cũng không phải là một Giáo hội. Ổn định trong phòng thánh không phải là một việc thờ tự đúng đắn. Việc cử hành Thánh Thể có những hệ quả. Có việc bẻ bánh. Điều này bao hàm nghĩa vụ xã hội, nghĩa vụ quan tâm đến người khác. Cầu nguyện và dấn thân đi đôi với nhau. Việc thờ phượng Thiên Chúa và phục vụ anh chị em của chúng ta đi đôi với nhau, bởi vì nơi mỗi anh chị em chúng ta đều thấy Chúa Giêsu Kitô.

Hãy chú ý, sự dấn thân xã hội của Giáo hội là một phản ứng, một kết quả của việc thờ phượng. Do đó, chúng ta không được nhầm lẫn sự dấn thân này với hoạt động từ thiện mà ngay cả một người ngoại đạo cũng có thể thực hiện. Hoạt động xã hội của Giáo hội bắt nguồn từ bản chất của Giáo hội bởi vì Giáo hội nhận ra Chúa Giêsu trong đó. Điều này mạnh mẽ đến nỗi thậm chí còn trở thành thước đo để xét xử chúng ta, như Chúa Giêsu nói với chúng ta. Theo Mátthêu chương 25, chúng ta sẽ nghe thấy thước đo của lòng bác

ái này của chúng ta trong Ngày Phán xét cuối cùng: "Khi Ta đói, các ngươi đã cho ăn; Ta khát các ngươi đã cho uống; Ta ở tù các ngươi đến thăm ta; Ta đau yếu và các ngươi đã chăm sóc Ta…" Tất cả đều là những hoạt động xã hội, nhưng chúng không được thực hiện vì nghĩa vụ hay bổn phận xã hội, nhưng vì Chúa Giêsu hiện diện trong đó. Tuy nhiên, tôi sẽ không bao giờ nhận ra Chúa Giêsu trong người khác nếu tôi cũng không nhận ra Người trong việc chầu Thánh Thể và thờ phượng. Hai điều đi cùng nhau. Chúng phải liên kết với nhau. Có thể nói, một Giáo hội thuần túy phụng tự không phải là một Giáo hội, cũng như một Giáo hội thuần túy "xã hội" không phải là một Giáo hội. Cái này là hệ quả của cái kia, và cái kia dẫn đến cái này. Điều quan trọng là duy trì mối liên kết này và sự tương tác này.

Thưa Đức Thánh Cha, trong Bí tích Thánh Thể cũng có những lời khuyến khích đừng quên việc phục vụ và bác ái: quyên góp cho người nghèo, cầu thay nguyện giúp, ….

- Tôi chỉ có thể nhắc lại: thờ tự và phục vụ tha nhân đi đôi với nhau. Chúng ta chỉ tôn thờ Thiên Chúa, nhưng đồng thời chúng ta cũng phục vụ tha nhân là hình ảnh của Thiên Chúa. Mối dây này luôn có, đã có trong Cựu Ước. Khi Thiên Chúa ban luật pháp và giới luật cho dân Israel, Người luôn nói điều gì ở cuối? "Hãy chăm sóc trẻ mồ côi, góa phụ ngoại kiều và người di dân". Người kêu gọi chú ý đặc biệt đến những người khốn khó.

Emmanuel Van Lierde
Nguồn: *vaticannews.va/vi*

HIỆP THÔNG VỚI BA NGÔI VÀ HIỆP NHẤT VỚI NHAU

Trong Hiến chế Tín lý về Giáo hội Lumen Gentium, Công đồng Vaticanô II gọi Hội Thánh là dấu chỉ và khí cụ xây dựng sự hiệp nhất giữa con người với Thiên Chúa, cũng như giữa con người với nhau *(x. LG 1)*. Giáo Hội là một cộng đoàn do Ba Ngôi Thiên Chúa quy tụ nên Giáo Hội có tương quan mật thiết với Ba Ngôi và với những thành viên trong Giáo Hội. Vì vậy có thể nói, Giáo Hội cần có sự hiệp thông theo "chiều đứng" là hiệp thông với Ba Ngôi, và hiệp thông theo "chiều ngang" là hiệp nhất các tín hữu trong Giáo Hội. Nếu thiếu "chiều đứng" thì Giáo Hội chỉ là một tập thể như những tập thể khác ở trần gian. Vì thế, khi nói về mầu nhiệm sự hiệp thông trong Giáo Hội, trước hết là hiệp thông với Thiên Chúa Ba Ngôi, người tín hữu nên một với Chúa Giêsu trong Chúa Thánh Thần, và người tín hữu nên một với Thiên Chúa nhờ Chúa Giêsu. Chính nhờ kết hợp với Chúa Giêsu trong Chúa Thánh Thần, người tín hữu hiệp nhất với nhau và trở nên thân thể mầu nhiệm của Chúa Kitô.

Nhờ đời sống cầu nguyện và siêng năng lãnh nhận các Bí tích nhất là Bí tích Thánh Thể và Bí tích Giao Hòa, người tín hữu hiệp thông mật thiết hơn với Thiên Chúa, luôn canh tân đời sống mình hằng ngày. Đặc biệt, với Bí Tích Hòa Giải, người tín hữu luôn cảm nhận được tình yêu và sự tha thứ của Thiên Chúa. Vì thế, xét mình mỗi ngày, chân thành sám hối và quyết tâm gắn bó với Chúa là điều người tín hữu phải làm mỗi ngày. Qua đó, người tín hữu luôn sống trong Ơn tha thứ, và thúc đẩy họ sống hiệp thông với Chúa tốt đẹp hơn.

Nhờ siêng năng tham dự Thánh lễ và tham gia các sinh hoạt trong cộng đoàn họ đạo, người tín hữu có nhiều cơ hội gặp gỡ và gắn kết với nhau tạo nên sự hiệp nhất trong Giáo Hội. Hy tế Thánh thể là nguồn mạch và tột đỉnh của đời sống Kitô hữu *(x. LG 11)*,

nên mọi hoạt động của người Kitô hữu đều phải bắt nguồn nơi Thánh Lễ, và qui hướng về Thánh lễ. Ngoài ra, người Kitô hữu phải làm sao để biến cuộc đời mình trở thành Thánh lễ nối dài để hoạt động tông đồ, đời sống gia đình, công việc làm ăn thường ngày và các mối tương quan với tha nhân mỗi ngày được gắn kết hơn.

Xin cho mỗi người Kitô hữu là những thành viên trong cộng đoàn hiệp thông của Giáo Hội luôn biết sống gắn bó hơn với Thiên Chúa qua đời sống cầu nguyện, năng lãnh nhận các Bí Tích. Và tiếp đó, xin cho mỗi người tín hữu luôn biết sống mối tương quan tốt với nhau qua việc tham dự Thánh lễ và tham gia các sinh hoạt chung trong cộng đoàn nơi họ đạo mình đang hiện diện để mọi người luôn sống hiệp thông với nhau, như anh em trong gia đình Thiên Chúa.

Lm Phêrô Hồ Văn Quí

TÂN GIÁM MỤC GIÁO PHẬN THI HÀNH CHỨC VỤ TỪ KHI NÀO?

Đôi khi có những thắc mắc liên quan đến vị tân Giám mục giáo phận: khi một linh mục được Đức Giáo hoàng bổ nhiệm làm Giám mục giáo phận, thì ngài:

- Là Giám mục giáo phận hay chưa?

- Đã có quyền tài phán trên Giáo phận mà ngài được bổ nhiệm hay chưa?

- Tên của ngài đã được nêu trong kinh nguyện Thánh thể hay chưa?

Trước tiên cần phân biệt "chức thánh" Giám mục, linh mục, phó tế với "chức vụ" trong Giáo hội (*officium ecclesiasticum*) mà các vị ấy đảm nhiệm.

Đối với Giáo hội địa phương là một giáo phận, Đức Giáo hoàng ra Tông sắc bổ nhiệm một linh mục, với "chức vụ", hoặc:

- Giám mục giáo phận;

- Giám mục phó;

- Giám mục phụ tá.

Khi mới ra Tông sắc bổ nhiệm một linh mục làm Giám mục giáo phận mà thôi thì:

a- Linh mục đó chưa có "chức thánh" Giám mục và cũng chưa nhận "chức vụ" Giám mục giáo phận, hay Giám mục phó, Giám mục phụ tá;

b- Ngài chưa có quyền lãnh đạo hay tài phán trên giáo phận;

c- Tên của ngài có thể nêu trong kinh nguyện Thánh Thể, tuy không buộc.

Xin lý giải như sau:

1- Chưa là Giám mục, chưa là Giám mục giáo phận

Tiến chức Giám mục phải được tấn phong Giám mục thì mới có chức Thánh Giám mục. Điều này thì khá rõ.

Còn việc thi hành quyền lãnh đạo hay tài phán, Giáo luật quy định là không được thi hành chức vụ trước khi đảm nhận giáo phận, nghĩa là trước khi nhậm chức:

Điều 382

§l. Giám mục được tiến chức không được xen vào việc thi hành chức vụ đã được trao phó trước khi đảm nhận giáo phận theo Giáo luật; tuy nhiên, ngài có thể thi hành các chức vụ ngài đã giữ trong giáo phận đó trước khi được tiến chức, miễn là vẫn tôn trọng những quy định của điều 409§2.

Điều 382§l, tuy không có quy định là "vô hiệu" nếu tiến chức "xen vào việc thi hành chức vụ", nhưng nếu tìm hiểu những quy tắc luật khác, thì sẽ thấy việc thi hành chức vụ ấy là vô hiệu. Và như vậy, khi chưa nhậm chức thì tiến chức Giám mục giáo phận chưa có quyền lãnh đạo hay quyền tài phán trên giáo phận.

Có thể căn cứ vào những điều như sau:

Nhậm chức là điều cần thiết để có chức vụ hữu hiệu hay thành sự;

- Mặc dù đã được Đức Giáo hoàng bổ nhiệm làm Giám mục giáo phận nhưng nếu Tòa chưa khuyết vị thì chức vụ Giám mục giáo phận đó chưa hữu hiệu.

Hai điều trên được luật quy định như dưới đây.

a- Nhậm chức là cần thiết để có chức vụ thành sự

Việc nhậm chức là rất cần thiết để "trở thành" Giám mục giáo phận hay Giám mục phó. Vì lẽ, nếu Giám mục phó mà đã không nhậm chức hợp lệ thì ngài không thể trở thành Giám mục phó và rồi sau đó cũng không trở thành Giám mục giáo phận khi Tòa Giám mục khuyết vị, theo như quy định của điều 409§1.

Điều 409

§1. Khi toà Giám mục khuyết vị, Giám mục phó tức khắc trở thành Giám mục của giáo phận vì đó mà ngài đã được đặt lên, miễn là ngài đã nhậm chức hợp luật.

b- Chưa là Giám mục giáo phận khi tòa chưa khuyết vị

Sự nhận chức Giám mục giáo phận sẽ bị vô hiệu nếu tòa chưa khuyết vị:

Điều 153

§1. Việc trao ban một chức vụ mà không khuyết vị theo luật thì vô hiệu do chính sự kiện, và không trở thành hữu hiệu do sự khuyết vị sau đó.

Hãy thử xét một trường hợp cụ thể: Đức Giáo hoàng ban Tông sắc thuyên chuyển một Giám mục giáo phận A đến giáo phận B, và bổ nhiệm một linh mục làm tân Giám mục giáo phận cho giáo phận A.

Khi Giám mục giáo phận A chưa "nhận chức" ở giáo phận B do thuyên chuyển, thì tòa A "chưa bị khuyết vị". Tòa chỉ bị "khuyết vị" khi vị Giám mục A nhận chức ở giáo phận mới B. Và vì tòa chưa khuyết vị nên vị tân chức chưa là Giám mục giáo phận, căn cứ theo điều 418§1 quy định:

Điều 418

§1. Trong vòng hai tháng kể từ khi nhận được tin chắc chắn về sự thuyên chuyển, Giám mục phải đến giáo phận mà ngài được sai đến và nhận chức theo Giáo luật; và kể từ ngày ngài nhận chức trong giáo phận mới, giáo phận cũ của ngài trở thành khuyết vị.

Mà khi Tòa chưa khuyết vị thì sự trao ban hay bổ nhiệm một chức vụ vào Tòa đó sẽ không hữu hiệu, căn cứ vào điều 153§1 kể trên.

Trường hợp này chứng tỏ rằng, khi Tông sắc được ban ra, nó không hữu hiệu tức thời, nghĩa là linh mục được tiến chức Giám mục giáo phận không tức khắc trở thành Giám mục giáo phận.

Rõ ràng là khi giáo phận chưa khuyết vị thì làm sao tiến chức, có thể là Giám mục giáo phận với quyền lãnh đạo hay tài phán hữu hiệu ở giáo phận đó được.

c- Giá trị Tông sắc

Phản biện có thể cho rằng:

Vậy Tông sắc của Đức Giáo hoàng lại không có giá trị hay sao?

Tông sắc của Đức Giáo hoàng tất nhiên là có giá trị (*valide*) hoàn toàn, nhưng hiệu lực (*effetto*) của Tông sắc lại còn tùy thuộc những nguyên tắc luật hay những điều kiện khác. Ở đây cần phân biệt "giá trị" và "hiệu lực" của tông sắc.

Có những trường hợp cho thấy rõ ràng là có sự "bổ nhiệm" trước, rồi "hiệu lực" đến sau, kể từ ngày chức vụ bị khuyết vị.

Điều 153

§2. Tuy nhiên, nếu là một chức vụ, chiếu theo luật, được trao ban (conferito) trong một thời gian nhất định, thì việc trao ban có thể được thực hiện trong vòng sáu tháng trước khi hết hạn, và có hiệu lực (effetto) kể từ ngày chức vụ khuyết vị.

Trường hợp "bổ nhiệm" trước, rồi "hiệu lực" đến sau cũng tương tự như hiệu lực của bộ luật. Bộ Giáo luật được thiết lập (*istituita*) khi được công bố trên Công báo của Tòa Thánh (*Acta Apostolicae Sedis*), nhưng chỉ có hiệu lực (*in vigore*) sau ba tháng kể từ ngày được công bố trên Công báo. Còn luật địa phương thì chỉ hiệu lực sau khi công bố được một tháng (đ. 8).

Hơn nữa, có thể kể vài điều kiện liên quan đến sự hữu hiệu như:

Chức vụ Giám mục giáo phận sẽ vô hiệu nếu chức thánh linh mục của tiến chức là vô hiệu, do giả mạo hoặc linh mục ấy chưa được Rửa tội. Nên biết: Hành vi pháp lý hễ bị vô hiệu theo luật thì cho dù do sự lầm lẫn hay không biết, hành vi ấy vẫn là vô hiệu (đ.15§1).

Chức vụ Giám mục giáo phận cũng sẽ vô hiệu, nếu tiến chức đã lãnh nhận vô hiệu chức thánh phó tế hay chức thánh linh mục. Ví

dụ, được truyền chức linh mục bởi một vị tưởng là Giám mục mà thực sự là không có chức thánh Giám mục.

Ý kiến của các nhà chú giải

Sau cùng, các nhà chú giải Giáo luật cũng đồng ý khẳng định rằng, khi chưa nhận quyền theo giáo luật, vị tiến chức chưa là Giám mục giáo phận, và nếu vị đó có thi hành quyền lãnh đạo của một Giám mục giáo phận thì việc thi hành ấy cũng vô hiệu. Nhà chú giải S. Sipos trong quyển Bách khoa tự điển Giáo luật giải thích rằng, để có thể thực hiện quyền tài phán cách hữu hiệu (*valide*), cần phải có sự nhận chức trước (*ut iurisdictio per institutionem canonicam iam obtenta excercere valide possit, nessaria est introdutio in possessionem, quae est verbali set realis*), (S. SIPOS, *Enchiridion iuris canonici,* §50, 205. Cf. F.X. WERNZ - P VIDAL, *Ius Canonicum,* n 597, 629.)

2. Nêu danh tiến chức Giám mục trong Kinh nguyện Thánh Thể

Trong quyển *Nghi thức của các Giám mục* (*Cerimoniale dei Vescovi*) có quy định:

1147. Dal giorno della presa di possesso del vescovo, tutti i sacerdoti che celebrano la messa nella sua diocesi, anche nelle chiese e negli oratori degli esenti, devono inserire il suo nome nella preghiera eucaristica.

1147. Kể từ ngày nhận chức của Giám mục, tất cả các linh mục cử hành thánh lễ trong giáo phận của ngài, ngay cả trong các nhà thờ và nhà nguyện của những dòng miễn trừ, đều phải nêu tên ngài trong kinh nguyện Thánh Thể.

Phải chăng chỉ nêu tên Giám mục sau khi ngài đã nhận chức, căn cứ vào chính quy định của số 1147 này?

Cần phân biệt, đây là quy định đòi "phải" (*devono*), chứ không là quy định "cấm". Quy định 1147 đòi "phải" nêu tên khi ngài đã nhận chức, nhưng không cấm nêu tên khi ngài chưa nhận chức. Điều này hợp lý, vì theo thông lệ, trong Kinh nguyện Thánh Thể

chúng ta cũng thường cầu nguyện cho cả các Giám mục đã về hưu hoặc một Giáo mục nào khác, chứ không chỉ cầu nguyện chỉ duy Giám mục giáo phận.

Lm. J.B Lê Ngọc Dũng

Nguồn: ***https://giaoluatconggiao.com/quy-tac-tong-quat/thi-hanh-chuc-vu-giam-muc-giao-phan-huu-hieu-tu-khi-nao-j-b-le-ngoc-dung-248.html***

TRANG LINH MỤC

Đtc Phanxicô nhắc nhở các linh mục tương lai về bổn phận của họ là phục vụ những người dễ bị tổn thương nhất

Gặp gỡ Chúa Giêsu, học biết Người, làm chứng. Ba trục qua đó Đức Phanxicô đã khai triển bài phát biểu của mình, vào hôm 14/1/2023, khi tiếp kiến các vị hữu trách và các thành viên của Học viện giáo hoàng Bắc Mỹ ở Rôma.

Đối thoại, hiệp thông và *sứ mạng* là những từ ngữ thường xuyên trở lại vào giai đoạn « hiệp hành » này của Giáo hội. Đức Thánh Cha Phanxicô đã đề nghị chúng cho các thành viên của Học viện giáo hoàng Bắc Mỹ ở Rôma ; học viện mà, từ khi được Đức Piô IX khánh thành vào năm 1859, là một trung tâm đào tạo đối với các ứng viên linh mục đến từ Hoa Kỳ, đã trở thành học viện giáo hoàng vào năm 1884.

Đối thoại, lắng nghe, phân định

Đức Thánh Cha giải thích : Hành trình hiệp hành bao hàm việc lắng nghe Chúa Thánh Thần, và việc lắng nghe hỗ tương, để « *phân định làm thế nào giúp đỡ các thành viên của dân thánh của Thiên Chúa sống hồng ân hiệp thông và trở thành các môn đệ truyền giáo* ». Việc lắng nghe ngang qua đối thoại, trục đầu tiên trong ba trục được

Đức Thánh Cha khai triển. Vì đối thoại bao hàm sự chất vấn, theo hình ảnh của Chúa Giêsu chất vấn các môn đệ đi theo Người khi hỏi họ đang tìm kiếm điều gì. Nói với các linh mục tương lai, Đức Thánh Cha nhấn mạnh : « *Trong thời gian đào tạo ở chủng viện này, Chúa đi vào đối thoại cá nhân với các con, hỏi các con « đang tìm kiếm điều gì » và mời gọi các con hãy « đến xem », nói chuyện với Người bằng cách mở rộng tâm hồn các con và dâng hiến mình cho Người cách tin tưởng trong đức tin và tình yêu* ». Cuộc đối thoại này, hay mối tương quan cá nhân, với Chúa Giêsu được nuôi dưỡng bởi việc cầu nguyện, suy niệm Lời Chúa, sự thinh lặng trước Nhà Tạm. Chính trong những thời điểm này mà « *chúng ta có thể lắng nghe tiếng nói của Người cách rõ ràng nhất và khám phá ra cách phục vụ Người* ».

Học biết Chúa Kitô

Tiếp đến, Đức Thánh Cha cho rằng thời gian đào tạo linh mục đòi hỏi sự hiệp thông liên lỉ ; sự hiệp thông làm nên trục thứ hai của bài phát biểu của Đức Thánh Cha. Đó là việc « *ở lại với* » Chúa Giêsu, dành thời gian để học biết Người, bằng cách chia sẻ con đường của Người trong Tin Mừng, « *những cử chỉ của Người, cái nhìn của Người, những gì thực sụ quan trọng đối với Người* ». Đức Thánh Cha mời gọi các chủng sinh biết chú tâm, « *mở rộng ánh mắt* » về mầu nhiệm hiệp nhất của Giáo hội, và về chứng tá đức ái « *thông qua những hành vi chia sẻ và giúp đỡ cụ thể của mình đối với những người nghèo khổ* ». Biết bao kinh nghiệm giúp phát triển tình huynh đệ để « *nhìn thấy sự cao cả thánh thiêng của người lân cận* ».

Làm chứng

Chỉ sau khi được thấm nhuần Chúa Giêsu mà thời điểm của sứ mạng mới đến. Đây là trục thứ ba được Đức Thánh Cha khai triển. Ngài nhấn mạnh rằng chứng tá chỉ có thể nảy sinh từ đối thoại và hiệp thông với Chúa Kitô, như khi trong Tin Mừng theo thánh Gioan, thánh Anrê Tông đồ, sau khi đã ở lại với Chúa Giêsu, đã đi tìm kiếm em của mình là Simon để nói rằng « *chúng tôi đã gặp*

thấy Đấng Mêsia », và đưa em mình đến với Chúa Kitô, và chính Người đến lượt mình đã nói « *Anh là Simôn, con ông Gioan, anh sẽ được gọi là Kêpha" (tức là Phêrô)* ». Cũng chính Phêrô mà Chúa Giêsu sai đi truyền giáo cùng với tất cả các tông đồ. « *Mỗi lần Chúa Giêsu kêu gọi những người nam và người nữ, Người luôn làm điều đó để sai họ đi, cách riêng đến với những người dễ bị tổn thương nhất và những người bên lề xã hội* », Đức Thánh Cha kết thúc và đồng thời nêu rõ hai yếu tố : người mục tử được mời gọi phục vụ những người dễ bị tổn thương nhất, những người mà ngài có thể học được nhiều điều nếu ngài biết lắng nghe và đồng hành với họ hướng về Chúa.

Tý Linh, ***theo Jean-Charles Putzolu, Vatican News***

TRANG TU SĨ

SỐNG VỚI NỖI KHỔ NIỀM ĐAU

Sau thời gian dạy Giáo lý, tôi hỏi em dự tòng: Theo con nghĩ, người Công giáo được gì ở đời này, hay chỉ nghe về lời 'hứa hẹn" về một sự sống sau cái chết? Câu trả lời này phần nào làm sáng tỏ đức tin của con cái Chúa. Các em được củng cố đức tin trước giông bão, điều khiển nhiều người hay phạm phải. Đôi lúc chính người Công giáo vẫn mơ màng, tưởng rằng có đức tin, dâng lễ, cầu nguyện như kiểu có "bùa hộ mệnh", ắt được mọi sự suông sẻ, tốt đẹp, làm ăn thất bại, bệnh tật, con cái hư hỏng, gia đình lục đục, mất mát....buổi đầu cũng khấn xin, nhưng dần mất kiên nhẫn vì xin hoài mà khổ đau vẫn còn đó.

Người Công giáo hay đạo gì cùng chung một quy luật sống trên mặt đất nên mọi sự xảy đến theo tự nhiên. Khác chăng thái độ người có đức tin mang tâm tình phó thác, hiểu ý nghĩa của thập giá thì đón nhận trong bình an. Chứ không phải có đạo, cầu khấn là mặc nhiên phép lạ xảy đến tan biến mọi nỗi đau. Tôi vẫn nói vui với các em: Chúa không "dụ dỗ" người ta tin bằng những phép lạ theo ý họ. Như thế, thật mất tự do và thực chất đau khổ cần thiết, là phương thức để con người tôi luyện, đền tội để nên thánh. Nếu cứ an nhàn thong dong, vui vẻ, giải trí ăn chơi thì có khi sa đọa tội lỗi, mất linh hồn - là điều khủng khiếp nhất, bởi linh hồn tồn tại vĩnh viễn.

Điều rõ nhất khi gặp gian nan người ta tìm chốn tịnh tâm, tìm nơi cầu khẩn với Một Đấng vượt trên con người, và dường như khiêm nhường hơn bởi thấy sự bất lực, yếu đuối.

Giáo lý Dự tòng, ngoài nội dung chính yếu, rất cần những hiểu biết khác để người tân tòng giữ đức tin khi gặp thử thách. Thật sự không ai đứng vững hay mạnh mẽ đến độ "xem như chả có gì" khi đau khổ đâu, nhưng xác tín về "Đấng làm cho kẻ chết sống lại", thì nỗi đau của ta làm sao Chúa không biết.

Tôi còn nhớ gia đình kia, người chồng nợ nần nhiều, do mượn giang hồ nên họ ngày đêm quấy phá đòi tiền: Xịt sơn, ném chất bẩn, đến nhà chửi bới hăm dọa. Ban đầu chị vợ trả số tiền cho yên thân, nhưng đến lần thứ ba, thứ năm thì hết chịu nổi. Người chồng đề nghị ly hôn, chia gia tài để có số tiền trả nợ. Và họ ly hôn đời. Thời gian mấy năm bị côn đồ đòi nợ, ăn ngủ không yên, nhà cửa cứ ầm ĩ. Người ta mách chị đi "coi thầy", tìm cách ổn định gia đạo. Rước "thầy" về xem nhà, "thầy" phán cái cầu thang thẳng cửa ra vào, của nẻo trôi tuột ra hết, là đại kỵ khi xây nhà ở, và bên ngoài hành lang

có "cốt".. Trước thì buồn vậy, giờ "thầy" đã chỉ ra nguyên cớ thì lo lắng tột cùng. Chị sửa cầu thang, mua căn nhà khác ở, để căn cũ cho người con buôn bán. Nhưng lại đến đứa cháu nội từ lúc sinh ra cứ dặt dẹo ốm đau, chữa thế nào cũng không khỏi. Đứa bé được vài tuổi, chị thuê người đào bới vị trí thầy bùa nói có hài cốt. Đào rồi, chẳng thấy gì cũng hốt đại nhúm đất đem chôn....Vợ chồng chị vẫn ly hôn và đứa cháu vẫn bệnh.

Càng lúc càng nghiệm ra cái ngỗ nghịch của con người. Có tin Chúa, nhưng đòi Ngài phải đáp ứng nhu cầu "thích" của mình. Muốn sung sướng an nhàn, muốn khỏe mạnh, nhiều của cải vật chất.....và khi gặp việc trái ý lập tức tìm "thầy" giải. Tin vào một thế lực nào khác là phủ định quyền năng của Thiên Chúa. Tin chuyện hài cốt làm hại là không vững Giáo lý, rước lo vào người và xúc phạm đến Chúa. Thật sự, đứng trước khổ đau: bệnh tật, rủi ro, bất hòa, mất mát, làm ăn thất bại...Gọi là đau khổ thì không dễ chịu đựng. Phải có đức tin vững vàng lắm mới thấy bình an thôi, chứ khổ đau vẫn còn đó. Song, hiểu con đường lữ hành trần thế này cần cuộc thanh luyện để đến đích vinh quang, thì xin Chúa trợ sức cho mình vác thập giá cho trọn, đừng chối từ kẻo mất cơ hội.

Dòng Kitô Vua - Vĩnh Long

24

MÙA CHAY - TRỞ VỀ ĐỂ HIỆP THÔNG

Mùa chay mời gọi mỗi người chúng ta từ bỏ con đường tội lỗi mình đang bước đi mà quay trở về cùng Thiên Chúa, để giao hòa ta với Chúa và với anh chị em. Đặc biệt là trong thời gian Giáo hội đang sống và hướng tới một Hội Thánh Hiệp hành, mời gọi chúng ta trở về để có thể sống hiệp thông với Thiên Chúa và anh chị em đồng loại, đây là là cách chúng ta hiệp thông theo chiều đứng và chiều ngang. Theo chiều đứng nghĩa là hiệp thông với Thiên Chúa Ba Ngôi: trong Chúa Thánh Thần chúng ta nên một với Chúa Giêsu, và nhờ Chúa Giêsu chúng ta nên một với Thiên Chúa, rồi sau đó mới tới chiều ngang là là hiệp thông với anh chị em đồng loại. Tuy nhiên cần sống kết hợp giữa tương quan với Thiên Chúa và với tha nhân, vì thiếu chiều đứng thì chúng ta sống trong Giáo hội cũng chỉ như trong những tập thể ở trần gian khác, còn nếu thiếu tương quan chiều ngang thì tương quan chiều dọc là không chân thật, bởi lẽ yêu thương và hiệp nhất với anh chị em đồng loại là bằng chứng của việc yêu mến Thiên Chúa. Như lời Thánh Gioan đã khẳng định: "Nếu ai nói: Tôi yêu mến Thiên Chúa mà lại ghét anh em mình, người ấy là kẻ nói dối. Vì ai không yêu thương người anh em mà họ trông thấy, thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà họ không trông thấy (1Ga 4, 20).

Để hiệp thông với Thiên Chúa, chúng ta cần dẹp bỏ mọi rào cản để đến với Người đó chính là tội lỗi. Tội lỗi làm cho chúng ta đánh mất tình nghĩa với Thiên Chúa, từ đó sẽ cảm thấy mình bất xứng và tìm cách lánh mặt Người. Vì thế, muốn sống hiệp thông với Thiên Chúa điều trước hết và trên hết là chúng ta phải biết nhận ra tội lỗi của mình và ăn năn sám hối, mau mắn chạy đến với Bí tích Giải tội để giao hòa với Thiên Chúa. Từ đó chúng ta mới có thể chạy đến với Bí tích Thánh thể là nguồn mạch là chóp đỉnh của cả đời sống Kitô giáo, chúng ta sẽ được kết hợp và trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Giêsu Thánh thể. Bí tích Thánh thể làm hoàn thiện mối hiệp thông của chúng ta với Thiên Chúa Cha bằng cách đồng hoá với Người Con yêu dấu duy nhất của Người nhờ hoạt động của Chúa Thánh Thần. Mùa chay, chúng ta còn được mời gọi

sống: cầu nguyện, ăn chay và bố thí. Việc cầu nguyện là hơi thở của linh hồn, giúp người tín hữu nâng tâm hồn lên với Thiên Chúa, có thời gian gặp gỡ để kết hợp mật thiết với Người. Cầu nguyện cũng chính là sự hiệp thông giữa con cái với Thiên Chúa là Cha nhân từ, như Chúa Giêsu khi ở trần gian luôn cầu nguyện liên lỉ cùng Chúa Cha để hiệp thông với Người thì chúng ta cũng cầu nguyện để được hiệp thông với Thiên Chúa Ba Ngôi.

Đối với anh chị em đồng loại, chúng ta hiệp thông theo chiều ngang bằng nhiều cách, đặc biệt bổn phận không thể bỏ qua là lòng bác ái chia sẻ với những người gặp đau khổ, bất công. Những ai có nhiều hơn, may mắn hơn, phải giúp kẻ ít may mắn, không chỉ về thể xác mà còn cả về tinh thần nữa. Mùa chay mời gọi sống tinh thần bác ái bằng cách chay tịnh giảm bớt chi tiêu ăn uống để bố thí cho người người đang cần sự chia sẻ của chúng ta, không dửng dưng trước nỗi đau của người bên cạnh, nhưng quảng đại nhường cơm sẻ áo cho những ai có nhu cầu. Tuy nhiên, cần nhớ rằng: những việc bác ái chúng ta làm là bắt nguồn từ tâm hồn yêu thương và khát vọng được hiệp thông với Thiên Chúa và anh chị em, việc mình làm là để giúp đỡ anh chị em và để vinh danh Thiên Chúa chứ không phải để vinh danh chính mình. Không chỉ thế, cần tìm cách làm hòa với những anh chị em xung quanh đã và đang có những hiểu lầm, giận hờn với ta và nhẫn nhịn chịu đựng, không chấp nhất những lời nói và cách ứng xử thiếu bác ái của họ để trở về mối thân tình và hiệp thông với nhau. Việc tha thứ cho nhau là điều kiện quan trọng và cần thiết để phục hồi mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người, vậy muốn đi đến được tình trạng hiệp thông với nhau chúng ta phải hết sức khiêm tốn nhìn nhận thiếu sót của mình và quảng đại tha thứ cho anh chị em, như Thiên Chúa đã tha thứ cho chúng ta.

Mùa chay đã gần kết thúc, chúng ta sắp bước vào đại lễ Phục Sinh nhưng tâm hồn chúng ta đã sẵn sàng chưa? Chúng ta đã thật lòng trở về với Chúa và Hội thánh? Chúng ta đã và đang cố gắng đưa mình vào sống hiệp thông theo tinh thần Hội thánh dạy hay chưa?

Lạy Chúa, xin ban cho con một tấm lòng khiêm cung và một trái tim yêu thương để trên con đường trở về con có thêm động lực.

Động lực ấy chính là được sống trong cung lòng Thiên Chúa Ba Ngôi, trong tình hiệp thông với Giáo hội và anh chị em đồng loại.

Mến Thánh Giá Cái Nhum

27

HIỆP THÔNG THEO CHIỀU ĐỨNG VÀ CHIỀU NGANG

Hội Thánh là công trình hiệp thông của Chúa Ba Ngôi thể hiện nơi những kẻ tin. Sau Bữa Tiệc Ly, Chúa Giêsu đã cầu nguyện rằng: "Lạy Cha xin cho tất cả nên một như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha, xin cho họ cũng được ở trong Chúng Ta, để thế gian tin rằng Cha đã sai Con" (Ga 17, 21). Tông Huấn Kitô Hữu Giáo Dân (ban hành ngày 30/12/1988) nói: "Giáo Hội không phải là một thực thể khép kín lại nơi chính mình nhưng đúng hơn là thường xuyên mở ra cho công cuộc rao giảng Tin Mừng và đại kết đầy năng động, bởi vì Giáo Hội được sai đến trần gian để loan truyền và làm chứng, hiện tại hoá và truyền bá mầu nhiệm. Hiệp thông là mầu nhiệm tạo thành Giáo Hội: quy tụ mọi sự và mọi người trong Đức Kitô; là bí tích hợp nhất bền vững cho tất cả mọi người". Vậy hiệp thông có hai mối tương quan: tương quan theo chiều dọc và tương quan theo chiều ngang.

1. Hiệp thông với Thiên Chúa

Do đó điều cần thiết để có một tầm nhìn Kitô giáo về sự hiệp thông trước hết là nhận ra nó như một món quà đến từ Thiên Chúa khi Tuyên xưng Giáo Hội là "Mầu Nhiệm Hiệp Thông". Hiệp thông trước hết là hiệp thông với Thiên Chúa Ba Ngôi, trong Chúa Thánh Thần chúng ta nên một với Chúa Cha và Chúa Con. Rồi mới đến chiều ngang là "nhờ kết hợp với Chúa Giêsu trong Bí Tích Thánh Thể, chúng ta nên một với nhau, làm thành Thân Thể mầu nhiệm của Chúa Kitô".

Mối quan hệ mới giữa con người và Đức Chúa Trời được thiết lập trong Đức Kitô và được truyền đạt trong các Bí tích cũng được mở rộng bởi một mối quan hệ mới giữa con người với nhau. Do đó,

khái niệm hiệp thông cũng phải có khả năng diễn đạt một mặt là bản chất bí tích của Giáo Hội trong khi chúng ta sống lưu vong xa Chúa, và mặt khác là sự hiệp nhất đặc biệt làm cho các thành viên trung thành trong cùng một thân thể huyền nhiệm của Đức Kitô. Giáo Hội là một Cộng Đoàn có cấu trúc hữu hình, một Dân Tộc được quy tụ lại theo mẫu gương hiệp nhất của Thiên Chúa Ba Ngôi là Cha và Con và Thánh Thần.

2. Hiệp thông với con người

Thời giáo hội sơ khai theo Sách Công Vụ Tông Đồ, hiệp thông chính là "một lòng một ý" hay "đồng tâm nhất trí". Điều ấy được diễn tả rõ nét qua nguyên tắc sống nền tảng của cộng đoàn Giáo Hội sơ khai như sau: không ai trong các tín hữu phải thiếu thốn, vì tất cả những người có ruộng đất nhà cửa đều bán đi, đem số tiền thu được đặt dưới chân các Tông đồ, tiền ấy được phân phát cho mỗi người tùy theo nhu cầu (Cv 34 - 35). Hiệp thông trong Giáo hội là "cộng đồng các tín hữu" gắn bó với nhau, nhưng không phải bởi một tình bằng hữu "thuần túy tự nhiên" hoặc một khế ước "thuần túy xã hội" nhưng là một "Dân Thánh", được quy tụ bởi Tình Yêu Ba Ngôi", được kết hợp với Thiên Chúa và nối kết với nhau nhờ "Hồng ân Thánh Thần" mà họ lãnh nhận qua Lời Chúa và các Bí Tích.

Đức Thánh Cha Phanxicô kêu gọi chúng ta: Ra đi đến vùng ngoại biên. Hiệp thông mời gọi mọi người "cùng nhau cất bước hành trình" không để ai xa cách, không để ai bên lề mà không cùng đi trên con đường tiến về Nước Trời. Hiệp thông mời gọi chúng ta tích cực lắng nghe, tìm mọi cách để mọi người được phát biểu, đặc

biệt là những thành phần bị lãng quên hay bỏ rơi, những người bị xã hội loại trừ, những người đã trải qua đau khổ khốn cùng…

Chúng ta đang sống trong thời đại 4.0, thế giới ngày nay được gọi là "Thế giới phẳng" qua xu thế toàn cầu hóa và tác động internet trên cuộc sống thực của mỗi chúng ta. Những gì xảy ra trên thế giới chúng ta có thể biết ngay tức khắc nhưng lại không hiệp thông thực sự với thế giới ấy, bởi vì internet chỉ mang tính chất truyền thông chứ chưa thật sự mang tính hiệp thông.

Đức Thánh Cha Phanxicô trong Tông huấn "Niềm Vui Tin Mừng" đã cho ta một cái nhìn về thực trạng thế giới toàn cầu hóa, đồng thời ngài cũng kêu gọi chúng ta hãy nói không với thực trạng xấu này: Nói không với một nền Kinh tế loại trừ (53-54), nói không với Ngẫu thần mới là tiền Bạc (55-56), nói không với một hệ thống tài chánh thống trị thay vì Phục vụ (57-58), nói không với sự bất bình đẳng là nguồn gốc của bạo lực (59-60).

Ước gì chúng ta cùng khởi đầu tiến trình Hiệp hành bằng sự lắng nghe: Mục tử lắng nghe con chiên, con chiên lắng nghe nhau và cùng nhau lắng nghe Mục tử; lắng nghe nhau với Lòng thương xót như Đức Chúa đã lắng nghe tiếng Dân Ngài kêu than vì bọn cai hành hạ và sai Mô-sê giải thoát họ (Xh 3,7-8); lắng nghe nhau với lòng nhân hậu và quả cảm thực thi bác ái như Thiên Chúa lắng nghe và ra tay bênh vực những "mẹ góa con côi bị ức hiếp" (Xh 22,11-22); lắng nghe nhau với lòng khiêm nhường tín thác như Samuel nhờ vâng nghe Thầy cả Êli nên mới nghe được tiếng Chúa dạy bảo cậu (1Sm 3,1-14).Và chỉ khi chiên lắng nghe chủ chăn, chủ chăn lắng nghe chiên, không làm ngơ giả điếc với nhau thì Thiên Chúa mới lắng nghe chúng ta thân thưa kêu cầu.

Xin cho chúng con biết lắng nghe tiếng nói của Chúa Thánh Thần và nghe được lời mời gọi Hiệp Thông – Tham gia – Sứ vụ.

Mến Thánh Giá Cái Mơn

TRANG SỐNG ƠN GỌI

Đời sống cộng đoàn trong đời tu

Khi nhắc đến đời tu, ngoài ba lời khấn khó nghèo, khiết tịnh và vâng phục, còn có một yếu tố khác mà chúng ta không thể nào không nói đến: đời sống cộng đoàn. Đây cũng là một vấn đề nhức nhối mà hầu như dòng tu nào cũng trải qua. Chúng ta được mời gọi để hiến dâng cho Chúa trong môi trường của một đời sống chung. Ta và một số người khác, khác nhau về ngôn ngữ, văn hoá, phong tục, quê quán, nhưng lại được quy tụ với nhau nhờ tiếng gọi của Giêsu, để cùng làm nên một gia đình mới, cùng chia sẻ với nhau nhiều điều. Cứ ngỡ là nó sẽ đẹp như mơ, nhưng những ai sống trong chăn sẽ biết là nơi đó có rất nhiều rận. Vấn đề cộng đoàn luôn là một vấn đề muôn thuở. Cộng đoàn có thể giúp ta nên thánh, cũng có thể biến ta thành quỷ dữ. Cộng đoàn có thể đưa ta lên Thiên Đàng nhưng cũng có thể đày ta xuống hoả ngục. Cộng đoàn có thể là nơi ta tìm thấy nguồn an ủi, nhưng cũng có thể là nơi ta chẳng muốn về… Đời sống cộng đoàn huyền nhiệm như thế đấy.

Đâu là các yếu tố làm nên đời sống cộng đoàn theo Tin Mừng? Trước hết, đó chính là sự hiệp nhất, mà Đức Giêsu đã minh hoạ bằng hình ảnh cây nho – thân nho (x.Ga 15,1-17). Các tu sĩ không quy tụ với nhau vì có cùng một sở thích. Các dòng tu không phải là hội chơi tem, hội chơi hoa, hội nhiếp ảnh hay hội cờ tướng. Điều mời gọi, quy tụ và gắn kết các tu sĩ lại với nhau chính là Đức Giêsu.

Đức Giêsu là thân nho, các thành viên trong cộng đoàn là cành nho. Họ cùng bám vào Giêsu để sống, để múc lấy dinh dưỡng cho đời tu của mình. Bởi thế, có thể sẽ có nhiều người chẳng cùng sở thích với nhau, nhưng họ vẫn sống với nhau trong dòng tu và còn xem nhau như anh chị em của mình. Sự hiệp nhất này chỉ có thể là hoa trái của Thánh Thần, do Thánh Thần khơi lên và được nuôi dưỡng bằng Lời và Thánh Thể trong đức tin và ân sủng.

Đời sống cộng đoàn chính là phản ánh của sự hiệp thông Ba Ngôi: "*Con không chỉ cầu nguyện cho những người này nhưng còn cho những ai nhờ lời họ mà tin vào con, để tất cả nên một, như Cha ở trong con và con ở trong Cha, để họ cũng ở trong chúng ta. Như vậy, thế gian sẽ tin rằng Cha đã sai con. Phần con, con đã ban cho họ vinh quang mà Cha đã ban cho con, để họ được nên một như chúng ta là một: con ở trong họ và Cha ở trong con, để họ được hoàn toàn nên một; như vậy, thế gian sẽ nhận biết là chính Cha đã sai con và đã yêu thương họ như đã yêu thương con*(Ga 17,20-23). Như Ba Ngôi là một thế nào, các thành viên trong cộng đoàn cũng là một với nhau như thế. Dĩ nhiên, họ không thể là một trên bình diện bản thể như Ba Ngôi, nhưng là một lòng , một ý, một khao khát, một lý tưởng tông đồ. Sống cộng đoàn cũng là một kiểu phản ánh bản chất con người là loài có tương quan, được mời gọi mở ra để đến với người khác, sống trong sự hiệp nhất với họ. Tất cả những điều này đến từ hình ảnh của Ba Ngôi, một cộng đoàn hoàn hảo.

Một cộng đoàn thật thụ thì không có sự phân biệt về phẩm giá, như lời Thánh Phaolo nói: "*Không còn chuyện phân biệt Do thái hay Hy lạp, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà; nhưng tất cả anh em chỉ là một trong Đức Kitô* (Gl 3,28). Ai cũng là con người, là con Thiên Chúa nên phải được xem là bình đẳng với nhau. Họ có thể có sự khác nhau về tuổi tác, về trình độ, về chức vụ, về công việc, về vai vế, nhưng không bao giờ có chuyện ai đó quý giá hơn người kia. Đây gọi là sự hiệp nhất trong đa đạng. Trong cộng đoàn, mỗi người đảm nhận một vai trò khác nhau, tuỳ theo nhiệm vụ mình được giao, nhưng phải luôn có tinh thần phục vụ lẫn nhau (x.Mt 18,1; 20,26-28). Sẽ không còn là cộng đoàn nữa nếu như sống với

nhau mà mỗi người cứ lo cho đời sống riêng của mình, chẳng đoái hoài gì đến người khác. Cộng đoàn bao hàm những tương quan được dệt với nhau bằng sự phục vụ, yêu thương, nâng đỡ, bằng không, đó chỉ là một dạng của ký túc xá, nơi người ta chỉ sống gần với nhau, chứ không gắn kết với nhau.

Ở bất cứ nơi đâu và trong bất cứ thời đại nào, cứ khi con người sống chung với nhau là có những vấn đề nảy sinh giữa họ. Có khi là sự hiểu lầm. Có khi bị những thói đời ảnh hưởng. Cộng đoàn không phải là một cái gì đó cố định, khi đã tồn tại rồi thì tồn tại mãi. Nó cần được xây dựng, được vun đắp mà mỗi người phải góp một tay. Trong cộng đoàn, đôi khi cần có những góp ý, sửa dạy để giúp nhau sống tốt hơn (x.Mt 18,15-17). Việc sửa dạy cũng cần được thực hiện ở những cấp độ khác nhau, tuỳ theo hoàn cảnh. Khi xảy ra những xung đột, cũng cần phải có sự hoà giải và tha thứ (x.Mt 18,22). Lệnh truyền phải "tha đến bảy mươi lần bảy" làm chúng ta liên tưởng đến một con tim vô cùng rộng mở cùng với một sự kiên nhẫn không bờ bến dành cho người anh chị em của mình. Quan trọng hơn hết, nhất thiết trong cộng đoàn phải có đời sống cầu nguyện: cầu nguyện riêng và cầu nguyện chung. Cộng đoàn là dấu chỉ Thiên Đàng, nơi tất cả mọi sinh linh quy tụ với nhau để ca ngợi Thiên Chúa. Cộng đoàn là nơi "hai hay ba người họp lại nhân danh Thầy", nên đó là nơi có sự hiện diện của Giêsu. (x.Mt 18,20).

Nhưng cộng đoàn không phải là viện dưỡng lão hay một khu dân cư nào đó, nơi người ta chỉ sống với nhau và cũng nâng đỡ nhau khi cần thiết. Các tu sĩ cũng không tụ họp với nhau chỉ để ăn uống, vui chơi giải trí, tận hưởng cuộc sống an nhàn trong khuôn viên nhà dòng để trốn tránh sự đời. Cộng đoàn dòng tu là nơi các tu sĩ được quy tụ lại với nhau để rồi phân tán nhau vì sứ mạng (x.Mc 3,14; 6,7; x.Lc 10,1). Họ cùng chia sẻ với nhau sứ vụ theo lệnh truyền của Chúa. Sau một khoảng thời gian "đến và ở lại" với Chúa, được Chúa hướng dẫn và dạy dỗ, đến lúc nào đó, họ sẽ phải ra đi khắp nơi, tuỳ theo sứ mạng của mỗi người. Tuy sống xa nhau, và phải chăm lo công việc riêng, nhưng họ vẫn luôn quy hướng về nhau, gắn bó với nhau trong lời cầu nguyện. Sự phân tán không làm ảnh

hưởng đến tính hiệp nhất. Trái lại, nó càng làm cho tình hiệp nhất được mặn nồng thêm.

Họ sống được những điều này chính là nhờ có sức mạnh của Đức Giêsu phục sinh là điểm tựa (x.Lc 24,13-35; 24,31 – 35). Dù có trải qua biết bao sóng gió thăng trầm, thậm chí có khi phải ngã gục, muốn bỏ cuộc như các môn đệ Emmaus, các tu sĩ vẫn luôn tìm thấy được niềm vui và sức mạnh để đứng lên và trở về với cộng đoàn. Chính Đức Giêsu là sức mạnh của họ và sự phục sinh trong Ngài là niềm hy vọng của họ. Đây là yếu tố làm nên sự khác biệt giữa cộng đoàn dòng tu với những tổ chức xã hội khác. Vì Giêsu, họ đến với nhau, và cũng vì Giêsu, họ phân tán cho sứ mạng. Nhưng cuối cùng, trong Giêsu, họ lại tìm thấy nhau.

Pr. Lê Hoàng Nam, SJ
Nguồn: dongten.net

CÔ ĐƠN

Cô đơn của một đứa trẻ đơn giản là lúc bên cạnh chúng không có ai. Nhưng cô đơn của người trưởng thành lại là lúc đứng giữa vạn người vẫn thấy tim mình lạnh.

Hoảng loạn của một đứa trẻ là lúc chúng không biết mình bị lạc đường, cứ mãi đi về phía trước dù không biết đó là đâu nhưng cuối cùng rồi vẫn có người tìm ra chúng. Hoảng loạn của người lớn là dù biết chắc chắn mình đang lạc nhưng vẫn mải miết đi.

Nỗi buồn lớn nhất của một đứa trẻ chắc là những lúc bị cướp mất đồ chơi. Nhưng nỗi buồn lớn hơn của người trưởng thành là có những thứ của mình nhưng vẫn buộc lòng chấp nhận để cho người khác lấy đi.

Chúng ta hoàn toàn không biết mình lớn lên cho đến một ngày nhận ra mình suy nghĩ nhiều hơn trước, nhận ra đôi mắt mình ít ồn ào hơn trước, nhận ra đôi môi mình mỉm cười vì chuyện vui không còn nhiều như trước, nhận ra con tim mình đã ít thổn thức trước ánh nhìn của ai đó, nhận ra cuộc sống mình trở nên chậm hơn trước rất nhiều…

Những người lớn vào đời với một nỗi cô đơn khó tả, và sống từng ngày để đem mình ra trả giá. Cứ ước là trẻ con, rồi có lúc muốn mình là tượng đá. Nhưng rồi, tôi cũng phải lớn lên thôi.

Lm. Phaolô Phan Thanh Duy

Những lời của ĐTC Phanxicô dành cho hôn nhân và gia đình

"Xã hội sẽ trở nên lạnh lẽo và không thể chịu đựng được nếu không đón nhận các gia đình."

Đức Thánh Cha Phanxicô đã bắt đầu cuộc gặp gỡ Gia Đình Thế Giới lần thứ 10 vào tối ngày 22 tháng 6 bằng cách đáp lại những lời chứng của các cặp vợ chồng và gia đình, vốn cho thấy nhiều cuộc đấu tranh xảy ra trong cuộc sống – từ khủng hoảng trong các mối quan hệ đến bệnh tật và cái chết của những người thân yêu. Bài diễn văn của Đức Thánh Cha đáp lại từng lời chứng một. Dưới đây chúng tôi xin đưa ra những đoạn trích đem lại sự khích lệ và cái nhìn sâu sắc khi chúng ta đối mặt với cuộc sống gia đình của chính mình:

Tiến về phía trước

Hãy bắt đầu từ nơi bạn đang ở, và từ đó, hãy cố gắng bước đi cùng nhau: cùng nhau như những cặp vợ chồng, cùng nhau trong gia đình của bạn, cùng với những gia đình khác, cùng với Giáo Hội.

Hãy tiến lên một bước, dù nhỏ bé.

Đừng bao giờ quên rằng sự gần gũi là "phong cách" của Thiên Chúa, sự gần gũi và tình yêu dịu dàng.

Chúng ta có thể có những ước mơ đáng yêu nhất, những lý tưởng cao cả nhất, nhưng cuối cùng, chúng ta cũng khám phá ra – và đây là sự khôn ngoan – những giới hạn của chính chúng ta, mà chúng

ta không thể tự mình vượt qua được, nhưng chỉ có thể vượt qua bằng cách mở lòng ra với Cha, với tình yêu và ân sủng của Ngài.

Món quà

Hôn nhân là một món quà kỳ diệu, chứa đựng sức mạnh của tình yêu Thiên Chúa: mạnh mẽ, bền bỉ, chung thủy, sẵn sàng làm lại từ đầu sau mọi thất bại hay phút yếu lòng.

Trong hôn nhân, Chúa Kitô tự hiến trao chính mình cho bạn, để bạn có thể tìm thấy sức mạnh để hiến trao bản thân mình cho nhau. Vì vậy, hãy ghi nhớ: cuộc sống gia đình không phải là "nhiệm vụ bất khả thi"!

Gia đình không phải là một lý tưởng cao cả không thể đạt được trong thực tế. Thiên Chúa long trọng hứa hẹn sự hiện diện của Ngài trong hôn nhân và gia đình của bạn, không chỉ vào ngày cưới của bạn, nhưng trong suốt phần đời còn lại của bạn.

Khi khó khăn

Cuộc hôn nhân nào cũng có những lúc khủng hoảng. Chúng ta cần nói ra điều này, không cần phải giấu giếm và thực hiện các bước đi để vượt qua những khủng hoảng đó.

Sự tha thứ chữa lành mọi vết thương. Tha thứ là một món quà tuôn trào từ ân sủng mà Chúa Kitô tuôn đổ xuống trên các cặp vợ chồng và toàn thể gia đình bất cứ khi nào chúng ta để Ngài hành động, bất cứ khi nào chúng ta hướng về Ngài.

Điều quan trọng đối với tất cả chúng ta là không nên tiếp tục chìm đắm trong điều tồi tệ nhất, mà là làm cho điều tốt nhất, cho lòng tốt tuyệt vời mà mọi người, nam cũng như nữ có thể có, trở nên tối đa, và bắt đầu lại từ đó.

Đón nhận và nồng nhiệt

Đón nhận là một "đặc sủng" đích thực của các gia đình, và đặc biệt là các gia đình đông con! Chúng ta có thể nghĩ rằng, trong một gia đình đông con, việc đón nhận thêm những đứa con khác sẽ khó khăn hơn; Tuy nhiên, không phải như vậy, bởi vì các gia đình có nhiều con cái được "đào tạo" để nhường chỗ cho những người con khác. Các gia đình đó luôn có chỗ cho những người con khác. Cuối cùng, đây là tất cả những gì về gia đình. Trong gia đình, chúng ta trải nghiệm cảm giác được đón nhận. Vợ và chồng là những người đầu tiên "đón nhận" và chấp nhận nhau, như họ đã nói trong ngày kết hôn: "Anh nhận em làm vợ… Em nhận anh làm chồng…" Sau này, khi đưa một đứa trẻ vào đời, họ sẽ đón nhận sự sống mới đó. Trong những hoàn cảnh lạnh lùng và không ai biết đến, những người yếu kém thường bị từ chối, thì trong các gia đình, việc đón nhận những người yếu kém là điều đương nhiên: nhận trẻ em khuyết tật, những người già cần chăm sóc, những người trong gia đình đang gặp khó khăn vì không còn ai khác… Điều này đem lại hy vọng. Gia đình là nơi đón nhận, và thật tồi tệ nếu gia đình biến mất! Xã hội sẽ trở nên lạnh lẽo và không thể chịu đựng nổi nếu không đón nhận các gia đình. Sự đón nhận và các gia đình quảng đại mang lại "sự ấm áp" cho xã hội.

Cho thế giới

Sống trong gia đình cùng những người khác với mình, chúng ta học được cách trở thành anh chị em. Chúng ta học được cách vượt qua sự chia rẽ, thành kiến và sự hẹp hòi, và cùng nhau xây dựng một

điều gì đó vĩ đại, một điều gì đó đẹp đẽ, trên cơ sở những điểm chung của chúng ta.

Mỗi gia đình của anh chị em có một sứ mệnh phải thực hiện trong thế giới của chúng ta, một lời chứng cần đưa ra… Lời Chúa muốn nói gì qua cuộc đời của chúng ta với tất cả những người chúng ta gặp gỡ? Hôm nay Chúa đang hỏi gia đình chúng ta, gia đình của tôi có "bước tiến" nào về phía trước?

Tác giả: Kathleen N. Hattrup – ngày 23/06/22
Phêrô Phạm Văn Trung chuyễn ngữ
Nguồn: Đặc San GIÁO SĨ VIỆT NAM

ĐTC Phanxicô gặp gỡ hàng chục ngàn bạn trẻ và giáo lý viên của CHDC Congo

Trong buổi gặp gỡ giới trẻ và giáo lý viên Congo vào sáng thứ Năm ngày 2/2/2023, Đức Thánh Cha nói với họ rằng tương lai nằm trong tay họ và kêu gọi họ nói "không" với tham nhũng. Đức Thánh Cha cũng chỉ cho họ thấy cầu nguyện, cộng đồng, trung thực, tha thứ và phục vụ là năm yếu tố để xây dựng hòa bình và một tương lai khác.

….

Ngón cái: cầu nguyện

Trước hết, ngón tay cái, ngón gần trái tim nhất, tượng trưng cho kinh nguyện, là động lực trong cuộc sống của chúng ta. Đức Thánh Cha nói: "Cầu nguyện là thành phần đầu tiên, thành phần cơ bản cho tương lai, bởi vì chỉ tự mình chúng ta không thể thực hiện được. Chúng ta không toàn năng, và khi chúng ta nghĩ rằng mình toàn năng, chúng ta sẽ thất bại thảm hại." Do đó, "chúng ta cần đâm rễ sâu trong cầu nguyện, trong việc lắng nghe Lời Chúa. Cầu nguyện là điều giúp chúng ta tăng trưởng mỗi ngày một cách sâu sắc, sinh hoa trái và biến đổi bầu khí ô nhiễm mà chúng ta hít thở thành khí oxy mang lại sự sống."

Lời cầu nguyện sống động

Nhưng chúng ta cần *lời cầu nguyện sống động*. Đức Thánh Cha nhắc các bạn trẻ đừng trò chuyện với Chúa Giêsu như một thực thể xa vời và xa cách, như người khiến chúng ta sợ hãi, nhưng như một người bạn thân thiết nhất, người đã hy sinh mạng sống vì chúng ta.

"Vì thế đừng sợ cầm lấy Thánh Giá trên tay và ôm vào ngực, trao những giọt nước mắt của các con cho Chúa Giêsu, và đừng quên chiêm ngắm khuôn mặt của Người, khuôn mặt của một Thiên Chúa trẻ trung, sống động và phục sinh! Vâng, Chúa Giêsu đã chiến thắng sự dữ, Người đã biến Thánh giá thành cây cầu dẫn đến sự phục sinh. Vì vậy, mỗi ngày hãy giơ tay lên ngợi khen và chúc tụng Người; hãy nói với Người những hy vọng trong lòng các con, hãy chia sẻ với Người những bí mật thầm kín nhất của cuộc đời: những người các con yêu thương, những vết thương các con mang trong lòng, những giấc mơ các con giữ trong tim. Hãy kể cho Người về khu phố, hàng xóm, thầy cô, bạn bè và đồng nghiệp của các con, đất nước của các con."

Khi chúng ta cầu nguyện, Đức Thánh Cha nói, chúng ta để cho Chúa can thiệp vào cuộc sống của chúng ta, ban cho chúng ta sức mạnh bình an của Người, là Chúa Thánh Thần, động lực của hòa bình, là sức mạnh thực sự của hòa bình. Đây là lý do tại sao cầu nguyện là vũ khí mạnh mẽ nhất hiện có. Nó mang đến cho chúng ta niềm an ủi và hy vọng của Chúa, luôn mở ra những khả năng mới và giúp vượt qua nỗi sợ hãi.

Ngón trỏ: cộng đoàn

Ngón trỏ được dùng để chỉ cho người khác một điều gì đó. Và Đức Thánh Cha giải thích rằng những người khác là *cộng đoàn.* Đây là thành phần thứ hai để xây dựng tương lai. Đức Thánh Cha nhắn nhủ các bạn trẻ "đừng để tuổi trẻ của mình bị hủy hoại bởi sự cô đơn và khép kín. Hãy luôn suy nghĩ cùng nhau và các con sẽ hạnh phúc, bởi vì cộng đoàn là cách để chúng ta cảm thấy hài lòng về bản thân, để trung thành với ơn gọi thực sự của mình." Và ngài cảnh giác họ về "cám dỗ loại trừ một ai đó vì họ có nguồn gốc khác với các con; hãy cảnh giác với chủ nghĩa vùng miền, chủ nghĩa bộ lạc, hay bất cứ điều gì khiến các con cảm thấy an toàn trong nhóm

của các con nhưng đồng thời lại không quan tâm đến đời sống cộng đồng."

Xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn từ tha nhân, cộng đoàn

Đức Thánh Cha hỏi các bạn trẻ: "Đã bao giờ các con nói chuyện với những người từ các nhóm khác chưa hay luôn khép kín trong nhóm của mình? Các con đã bao giờ lắng nghe câu chuyện của người khác, đã biết được nỗi đau của họ chưa?" Ngài nói tiếp: "Tất nhiên, lên án ai đó thì dễ dàng hơn là hiểu họ; nhưng con đường mà Thiên Chúa chỉ ra để xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn thì lại đi từ tha nhân, từ tập thể, từ cộng đồng. Đó là xây dựng Giáo hội, mở rộng tầm nhìn, nhìn thấy tha nhân trong mọi người, quan tâm chăm sóc người khác."

Thật buồn khi thấy những người trẻ dành hàng giờ trước điện thoại

Trước cám dỗ của lối sống ảo trên các mạng xã hội, Đức Thánh Cha nhận định rằng sống ảo thôi chưa đủ, chúng ta không thể hài lòng với việc giao tiếp với những người ở xa, thậm chí là giả mạo. "Chúng ta không thể chạm đến cuộc sống bằng một ngón tay trên màn hình. Thật buồn khi thấy những người trẻ dành hàng giờ trước điện thoại và rồi nếu các con nhìn vào khuôn mặt của họ, các con thấy rằng họ không cười, ánh mắt của họ có vẻ mệt mỏi và chán chường." Ngài nhắn nhủ: "Không gì và không ai có thể thay thế được sức mạnh mà chúng ta có được khi ở bên nhau, ánh sáng của đôi mắt, niềm vui của sự chia sẻ! Nói chuyện và lắng nghe nhau là điều cần thiết... Vì vậy, mỗi ngày hãy cố dành thời gian ở bên nhau và cảm nghiệm vẻ đẹp của việc ngạc nhiên bởi những câu chuyện và trải nghiệm của họ."

Và Đức Thánh Cha mời gọi các bạn trẻ nắm tay nhau và tưởng tượng mình là một Giáo hội, một dân tộc duy nhất, nhận ra mình có liên kết và phụ thuộc nhau và phúc lợi sẽ được gia tăng nhờ tập thể, mình được bảo vệ bởi người khác, mình có trách nhiệm với người khác và nhận ra mình là người không thể thiếu và có trách nhiệm đối với Giáo hội và đất nước.

Ngón giữa: sự trung thực

Ngón giữa, ngón cao nhất, nhắc chúng ta về điều cốt yếu, quan trọng để xây dựng tương lai, đó là *sự trung thực*! Đức Thánh Cha nói: "Trung thực có nghĩa là không bị vướng vào cạm bẫy của tham nhũng.

"Đừng để cho sự ác thắng được mình; nhưng hãy lấy thiện để thắng ác"

Để đánh bại căn bệnh ung thư tham nhũng dường như đang phát triển và không bao giờ dừng lại, Đức Thánh Cha nhắc lại lời thánh Phaolô: "Đừng để cho sự ác thắng được mình; nhưng hãy lấy thiện để thắng ác" (Rm 12,21), Ngài nhắc lại chứng tá của Floribert Bwana Chui, mười lăm năm trước, khi mới 26 tuổi, đã bị giết ở Goma vì đã chặn đường vận chuyển thực phẩm hư hỏng có thể gây hại cho sức khỏe của mọi người. Anh có thể dễ dàng nhắm mắt làm ngơ; không ai có thể phát hiện ra, thậm chí là anh có thể kiếm được lợi nhuận. Nhưng, vì anh là một Kitô hữu, anh đã cầu nguyện. Anh nghĩ đến người khác và anh chọn con đường lương thiện, nói không với sự dơ bẩn của tham nhũng. Đó là ý nghĩa của việc không chỉ giữ cho đôi tay của các con trong sạch, nhưng cả con tim trong sáng.

Ngón áp út: sự tha thứ

Ngón áp út là ngón yếu nhất, theo Đức Thánh Cha, nó nhắc nhở chúng ta rằng những mục tiêu mang lại cho chúng ta sự thỏa mãn

lớn nhất trong cuộc sống, trên hết là tình yêu, đạt được qua sự yếu đuối, mệt mỏi và khó khăn.

Đức Thánh Cha nhắc rằng trong những lúc yếu đuối và trong những lúc khủng hoảng, sức mạnh giúp chúng ta tiến lên chính là sự tha thứ giúp chúng ta tiến lên. "Bởi vì tha thứ có nghĩa là có thể bắt đầu lại. Tha thứ không có nghĩa là quên đi quá khứ; nó có nghĩa không đầu hàng trước sự việc lặp đi lặp lại."

Để tạo ra một tương lai mới, chúng ta cần tha thứ và đón nhận sự thứ tha. Đức Thánh Cha mời các bạn trẻ nghĩ về những người đã xúc phạm mình, và trước mặt Chúa, hãy tha thứ cho họ.

Ngón út: sự phục vụ

Cuối cùng, như ngón út, ngón bé nhỏ nhất, chúng ta có thể nghĩ điều mình làm chỉ là giọt nước trong đại dương. Nhưng Đức Thánh Cha nhấn mạnh, chìa khóa ở đây là *sự phục vụ*. Chính sự nhỏ bé, việc trở nên nhỏ bé của chúng ta đã thu hút Thiên Chúa.

Đừng bao giờ nản lòng!

Điều cuối cùng Đức Thánh Cha mời gọi những người trẻ và các giáo lý viên là "đừng bao giờ nản lòng! Ngài khích lệ họ khi sầu buồn, khi mất can đảm, hãy cầm lấy Phúc âm và nhìn vào Chúa Giêsu, Người sẽ ban cho chúng ta sức mạnh.
Sau khi cùng đọc kinh Lạy Cha và nhận lãnh phép lành từ Đức Thánh Cha, các bạn trẻ đã tặng Đức Thánh Cha các món quà lưu niệm.

Hồng Thủy - Vatican News

HỘI ĐỒNG MỤC VỤ GIÁO XỨ

"Hội Đồng Mục Vụ Giáo xứ", là cơ cấu bao gồm những người có uy tín, đạo đức, tinh thần phục vụ và trình độ học vấn tương đối, được tuyển chọn trong hàng ngũ giáo dân thuộc giáo xứ, để tham gia vào việc săn sóc mục vụ trong giáo xứ dưới quyền lãnh đạo của cha xứ (c. 536§ 1).

Như vậy Hội Đồng mục vụ Giáo xứ là một cơ cấu thuộc về Giáo Hội và làm những công việc Giáo Hội, đó chính là một ơn gọi.

1. Thế nào là nhiệm vụ Giáo Hội

Giáo Hội phục vụ nhằm đến mục đích thiêng liêng. Giáo Hội có trách nhiệm loan báo Tin mừng bằng lời nói và việc làm. Hoạt động trong Giáo Hội chính là ơn gọi làm tông đồ. Mỗi thành viên trong Giáo Hội đều được giao phó thi hành ơn gọi đó. Do đó tất cả mọi người trong Giáo Hội có quyền và nghĩa vụ thực thi công việc tông đồ, Đó là ơn gọi chung cho hết mọi thành viên trong Giáo Hội. Quyền hạn thực thi bổn phận đó được goị là nhiệm vụ (officium). Vì thế có thể nói được rằng nhiệm vụ thiêng liêng này là của Giáo Hội, thuộc về Giáo Hội.

Việc miêu tả về nhiệm vụ Hội Thánh, điều đã được trình bày trong Giáo luật điều số 145, là nền tảng tổng quát của vấn đề đã được Công Đồng đã trình bày. Đó là chìa khoá để mở ra cánh cửa giáo huấn về nhiệm vụ Hội Thánh. Những nhiệm vụ trong phẩm trật Hội Thánh không chỉ bắt nguồn từ thẩm quyền, nhưng còn là từ việc ủy nhiệm. Như vậy sự ủy nhiệm không chỉ thuộc về phẩm trật trong Hội Thánh, nhưng còn thuộc về tất cả từng thành viên trong cộng đoàn Dân Chúa, tức thuộc về toàn thể Giáo Hội. Bản tính của Kitô hữu là làm tông đồ. Mỗi một Kitô hữu có quyền và có trách nhiệm chu toàn sứ mệnh này (x. AA s.2 & 3).

Tất cả nhiệm vụ của Giáo Hội là phục vụ toàn thể Dân Chúa. Vì thế phải "được hiểu là bất cứ nhiệm vụ nào được trao phó cách lâu bền là nhắm đến việc chu toàn mục đích thiêng liêng" (PO 20). Khi ủy thác nhiệm vụ cho cá nhân, Công Đồng cũng nhấn mạnh đến ý nghĩa cơ cấu của tất cả các tác vụ cá nhân nhằm phục vụ cộng đoàn Dân Chúa. Tất cả các tác vụ đó là công việc phục vụ nhân danh Đức Kitô, là tham dự vào ba chức vụ của Đức Kitô: linh mục, tiên tri và vương đế. Các tác vụ đều là bổn phận thuộc bản tính của người Kitô hữu nằm trong đặc tính căn bản của Giáo Hội. Ai nhận lãnh tác vụ và thi hành cách phù hợp, người đó phục vụ cho Giáo Hội như là cho cộng đoàn Dân Chúa trong Đức Kitô. Những tác vụ cá nhân nhân là nhiệm vụ cơ bản của Giáo Hội. Chính những nhiệm vụ của người giáo dân là nhiệm vụ cơ bản này. Linh

mục thực thi những nhiệm vụ phẩm trật trong chính nguồn năng lực của nhiệm vụ cơ bản trên.

2. Hội đồng mục vụ thi hành ơn gọi đó như thế nào?

- ***Hội Đồng Mục Vụ giáo xứ thi hành ơn gọi của mình khởi đi từ ơn gọi của người giáo dân.***

Người giáo dân được chính Chúa Giêsu sai đi đến với Giáo hội và với thế giới[1], để xây dựng và mở mang Nước Thiên Chúa. Vì thế người giáo dân như là thành phần của dân Chúa một mặt họ là những thành phần tích cực trong lãnh vực thuộc Giáo hội như tham dự tích cực phụng vụ của Giáo hội, cộng tác trực tiếp vào công việc tông đồ của hàng giáo phẩm hay là góp ý trong việc mục vụ. Một mặt khác họ quan tâm đến những lãnh vực thuộc về trần thế về những nhu cầu của cuộc sống như: về nghề nghiệp, về công việc, về cuộc sống trong gia đình và xã hội. Có hai hình thức cốt yếu khác biệt nhau của sứ vụ Dân Thiên Chúa. Sứ vụ nầy chính là truyền bá và bảo vệ Đức tin bằng lời nói và việc làm" (LG, số 11). Do đó người giáo dân "phải khéo léo tìm hiểu sâu xa hơn chân lý Chúa mặc khải, và tha thiết nài xin Thiên Chúa ban ơn khôn ngoan cho mình" (LG số 35).

- ***Hội Đồng Mục vụ thi hành ơn gọi trong việc cộng tác với cha xứ để quản trị Giáo xứ.***

Bộ Giáo luật 1983 đã trù liệu những nhiệm vụ thuộc quyền quản trị trong Giáo hội mà người giáo dân có thể đảm nhận kể cả nam nhân lẫn phụ nữ. Theo giáo luật khoản 228 § 1 các chủ chăn có thể mời những giáo dân nào có khả năng đảm nhận những trách vụ trong Giáo hội và các nhiệm vụ mà họ có thể hành sử được chiếu theo luật qui định. Cụ thể là những người có năng lực có thể được mời giúp đỡ các chủ chăn với tư cách chuyên viên hoặc cố vấn, kể cả trong hội đồng tư vấn (c. 228 § 2), hoặc họ có thể được mời làm thành viên của công nghị giáo phận (c. 463 § 5), hay là thành viên của Hội đồng mục vụ giáo phận hay giáo xứ (c. 511; 536 § 1). Và theo giáo luật điều 492 § 1 và điều 1282 thì người giáo dân được dự phần vào việc quản trị tài sản của Giáo hội. v.v…..

- ***Nhiệm vụ của Hội Đồng Mục vụ là cộng tác với cha xứ, chú không thay quyền cha xứ.***

Người giáo dân được coi là thành phần "không là giáo sĩ". Có nghĩa là theo thiết chế của Giáo Hội giáo dân được phân biệt với giáo sĩ, là những người lãnh nhận bí tích truyền chức thánh. Sự phân biệt nầy có làm tổn thương đến bản chất của giáo dân không? Portillo đã giải thích như sau: "Sự phân biệt giữa giáo sĩ và giáo dân không giống như sự phận biệt giữa hoạt động và thụ động, và càng không giống như sự phân biệt giữa ông chủ và đầy tớ, nhưng

đó chính là một mối quan hệ hỗ tương và biểu lộ những nhiệm vụ khác nhau, là điều tối cần và quan trọng cho toàn thể"[2].

Công đồng đã nhấn mạnh: Giáo dân như là thành phần của Dân Thiên Chúa được tham dự vào ba chức vụ của Đức Kitô, và vì thế giáo dân căn cứ vào ơn gọi của mình mà cộng tác vào công việc tông đồ của Giáo hội, "Giáo dân làm tông đồ là thông phần vào chính sứ mạng cứu độ của Giáo Hội. Mỗi tín hữu đều được Chúa đề cử làm tông đồ qua việc lãnh nhận phép rửa và thêm sức" (LG s. 33). Công đồng còn nhấn mạnh đến sự phân biệt giữa giáo sĩ và giáo dân, giữa chức linh mục cộng đồng và chức linh mục thừa tác. Sự khác biệt đó không chỉ về cấp bậc mà còn cả về yếu tính (x. LG s. 10). Điều đó có nghĩa là chức linh mục thừa tác có nhiệm vụ riệng biệt trong toàn thể dân thánh của Đức Kitô, nhiệm vụ đó chính là tham dự một cách đặc biệt vào vai trò trung gian của Đức Kitô, sự trung gian đó biểu lộ qua đường đi xuống và đường đi lên. Quyền năng và sứ mệnh của Đức Kitô đã được trao phó cho linh mục thừa tác trong nhiệm vụ lãnh đạo và giáo huấn. Như Đức Kitô đã thực thi chức linh mục của mình qua việc hiến tế chính thân mình trên thập giá, Ngài là trung gian giữa Thiên Chúa với nhân loại, và giữa nhân loại với Thiên chúa. Linh mục thừa tác, những người lãnh nhận bí tích truyền chức, cũng mang lấy đặc tính trung gian đó của Đức Kitô, khi Linh mục mà cử hành bí tích Thánh Thể, Linh mục hành động với năng quyền được trao ban và nhân danh chính Đức Giêu Kitô, ngoài ra linh mục cũng nhân danh cộng đoàn Dân Chúa để cử hành mầu nhiệm thánh nầy . Các tín hữu

được mời gọi cùng cử hành hy tế thánh thiện kỳ diệu nầy qua hiệp thông với linh mục chủ tế. Việc hiệp thông nầy nẩy sinh từ chức linh mục cộng đồng, một chức vụ được trao ban cho từng nhười tín hữu qua bí tích Rừa tội. Khi các tín hữu hiệp thông với linh mục thừa tác cử hành hy tế trên bàn thờ, họ đã thực sự thi hành sứ vụ của một dân tộc, được gọi là dân tư tế của Thiên Chúa.[3]

Công đồng Vat. II đã khai mở một kỷ nguyên mới cho người giáo dân khi công nhận chỗ đúng và vai trò của họ trong Giáo hội trong việc dự phần vào sứ mệnh của Giáo hội, sứ mệnh mà Chúa Kitô đã trao phó cho Giáo hội khi Ngài thiết lập Giáo hội: ”Các con hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thọ tạo” (Mc 15, 15). Khi khẳng định chỗ đứng quan trọng của người giáo dân trong Giáo hội, Công đồng kêu gọi các chủ chăn có chức thánh, tức là hàng giáo sĩ: “phải nhìn nhận và nâng cao phẩm giá và trách nhiệm của giáo dân trong Giáo Hội. Các ngài nên chấp nhận những ý kiến khôn ngoan của họ, tin cẩn giao cho họ những công tác để họ phục vụ Giáo Hội, cho họ tự do và quyền hạn hành động, hơn nữa các ngài nên khuyến khích họ tự đảm nhận công việc” (LG 37). Ngược lại Giáo hội cũng kêu gọi người giáo dân khji được mời gọi tham gia vào trong Hội Đồng Mục vụ Giáo xứ cũng “mau mắn chấp nhận những điều mà các chủ chăn có nhiệm vụ thánh đại diện Chúa Kitô, đã quyết định với tư cách những thầy dạy và những nhà lãnh đạo trong Giáo Hội” (LG 37). Một sự tương giao mật thiết như vậy

giữa chủ chăn và Hội Đồng Mục Vụ Giáo xứ chắc chắn sẽ đem lại bao nhiêu lợi ích cho Giáo Hội và Giáo xứ.

Lm Antôn Hà Văn Minh

Nguồn: Kitô Hữu Giáo Dân

Lưu ý các chữ viết tắt:

LG:Hiến chế về Giáo hội Lumen Getium

AA: Sắc lệnh về Tông đồ Gáo dân Apostolicam Actuositatem

PO: Sắc lệnh về chức vụ và đời sống các Linh mục Presbyterorum Ordinis

c.: Canon – Điều khoản Giáo luật

[1] X. E. Klinger, Das Amt des Laien in der Kirche (Nhiệm vụ của giáo dân trong Giáo hội), in: E Klinger/R. Zerfass, die Kirche der Laien (Giáo hội của người giáo dân), 82

[2] Alvaro del Portillo, Glaeubige und Laien in der Kirche (người tín hữu và người giáo dân trong Giáo hội), Parderborn 1972, 133-134.

[3] X. A. Grillmeier SJ, Kommentar ueber Nr. 10 der dogmatische Konstitution der Kirche (LG) (Bình luận về số 10 trong Hiến chế về Giáo hội Lumen gentium), in: LThK^2 E., Bd. I, 182-183.

LẠC QUAN

Cuộc sống vốn không bao giờ bằng phẳng và trơn tru. Những sóng gió trong cuộc đời có thể nổi lên bất cứ lúc nào. Nhưng đừng vì thế mà chúng ta quá sợ hãi, không dám ra khỏi những gì được coi là an toàn cho cuộc sống của mình. Cuộc sống như một dòng chảy của con nước. Phải chảy đi thì mới có thể đón nhận những dòng nước mới tươi mát hơn được. Trái lại, không chịu chảy đi thì dòng nước sẽ bị tù đọng và trở nên hôi thối.

Rủi ro lớn nhất trong cuộc đời là không biết chấp nhận rủi ro! Khi rủi ro như một định luật tất yếu của cuộc đời xảy ra, chúng ta đừng bao giờ thất vọng, chán nản hay buông xuôi bỏ cuộc, nhưng phải biết cách vượt qua trong sự bình tỉnh và lạc quan. Dĩ nhiên, chúng ta phải hết sức tránh những rủi ro có thể lượng giá và thấy được trước mắt.

Mọi sự rồi sẽ qua đi. Vấn đề dù cho có khó khăn đến mấy cũng sẽ có cách để giải quyết, đúng như câu thành ngữ: “Sau cơn mưa trời lại sáng”. Khi cơn mưa xảy đến, thì bầu trời thường tối sầm, xóa nhòa tầm nhìn của con người. Hơn nữa, khi mưa rơi thường dễ khiến tâm trạng con người ta sa sút, chán nản do không thể ra đường làm việc hay vui chơi. Nhưng rồi, cho dù cơn mưa có kéo dài bao

lâu đi nữa, thì cũng có lúc tạnh mưa thôi. Bầu trời rồi sẽ sáng trở lại. Ánh sáng sẽ mang lại nguồn năng lượng tích cực, ý chí lạc quan và yêu đời cho con người.

Kinh nghiệm cuộc sống nói với chúng ta rằng: những khó khăn mà ta gặp phải trong đời, chúng đến khi ta không ngờ tới, nhưng rồi chúng cũng sẽ rời đi. Sự lạc quan và nỗ lực bền bỉ nhất định sẽ mang đến thành công. Hãy luôn vững tin bước về phía trước! Những người thành công trong cuộc đời thường luôn rất tự tin và có sức lan tỏa nguồn năng lượng tích cực, tuy họ cũng đã từng gặp phải những khó khăn trên con đường họ đã trải qua.

Có một câu chuyện được kể như sau:
Một người đàn ông đang gánh chạn bát qua đường. Con đường ông phải đi qua có một đoạn dốc rất khó đi và nguy hiểm. Nhưng không còn lối nào khác cho ông chọn lựa để đi qua. Và dĩ nhiên, khi ông bước lên đoạn đường dốc ấy, thì quang gánh trên vai ông bị nghiêng, làm một chiếc bát trượt xuống đường và vỡ nát. Thế nhưng, ông lão cứ đi tiếp mà không hề ngoảnh đầu lại nhìn. Thấy lạ, một người đi đường bèn nói: "Ông lão ơi, sao bát rơi vỡ mà ông chẳng hề hay biết sao?"

Ông lão trả lời: "Ta biết chứ, nhưng dẫu sao thì nó đã vỡ rồi. Có tiếc nuối đi nữa thì cũng có được gì đâu!".

Hãy học tập thái độ lạc quan của ông lão trước những sự việc rủi ro không mong muốn. Dù có tồi tệ đến mức nào, mọi chuyện rồi cũng sẽ qua. Cứ thế tiến lên phía trước và đừng nghĩ ngợi về quá khứ đau buồn nữa. Hơn nữa, người Kitô hữu chúng ta thường luôn được nhắn nhủ rằng: Phải trải qua đau khổ của thập giá mới có thể tiến tới vinh quang phục sinh!

Lm. PX. Lê Liêm

SỨ ĐIỆP KHÔNG THỂ LÃNG QUÊN

Bảy di ngôn cuối cùng của Chúa Giê-su trên Thánh Giá

Lm. GB. Nguyễn Ngọc Thế SJ.

1. **Lời mở đầu.**

Cuộc thương khó của Chúa Giê-su mang nhiều nét đặc sắc. Một trong những nét đó là các lời cuối cùng của Chúa trên Thánh Giá. Theo các Tin Mừng có tất cả bảy lời Chúa Giê-su nói, khi Ngài bị treo trên Thánh Giá. Bảy lời cuối cùng này của Chúa được thánh Bonaventure chú giải và được các tu sĩ dòng Phanxico quảng bá.[i] Các nhà thiêng liêng học đã chý ý đến những lời này của Đấng chịu đóng đinh, và qua những lời đó, họ muốn diễn tả cách sống động về ý nghĩa và tinh thần của cuộc thương khó của Chúa Giê-su. Vào thời Trung Cổ, bảy lời cuối cùng của Chúa Giê-su thường được mọi người suy niệm như là một kho tàng thiêng liêng, và đặc biệt trong thời gian Tuần Thánh hoặc thời gian chuẩn bị cho Con Đường Thương Khó của Chúa Giê-su. Cũng thế, truyền thống thiêng liêng luôn yêu mến những lời cuối cùng này của Chúa Giê-su, những lời diễn tả tâm tình của Chúa một cách sống động.

Trong loạt bài Giáo Lý về cầu nguyện, ĐTC. Benedicto XVI cũng đã có ba bài suy niệm về các lời cuối cùng của Chúa Giê-su trên Thánh Giá. Ngài viết trong bài suy niệm thứ 26 về cầu nguyện: "Hôm nay tôi muốn cùng anh chị em suy niệm về lời cầu nguyện của Chúa Giê-su khi giờ chết đã gần, bằng cách nói về những điều

được kể trong Tin Mừng Thánh Mác-cô và Thánh Mát-thêu. Hai Thánh Sử diễn tả lời cầu nguyện của Chúa Giê-su lúc sinh thì trên Thánh Giá không chỉ bằng tiếng Hy Lạp, là ngôn ngữ các ngài dùng để viết câu chuyện, nhưng cũng vì tầm mức quan trọng của những lời cầu nguyện đó, nên chúng đã được viết bằng sự pha trộn giữa tiếng Do Thái và tiếng Aram. Các ngài cũng đã truyền lại cho chúng ta không những chỉ nội dung, mà cả âm thanh mà lời cầu nguyện này được thốt ra trên môi miệng Chúa Giê-su: chúng ta thực sự nghe những lời của Chúa Giê-su như Người đã thốt ra. Đồng thời, các ngài mô tả cho chúng ta thái độ của những người hiện diện lúc đóng đinh, là những người không hiểu hoặc không muốn hiểu lời cầu nguyện này”.[ii]

Thần học gia lỗi lạc Karl Rahner cũng nhìn thấy nơi bảy lời cuối cùng của Chúa Giê-su như là bảy lời mà Chúa muốn nói với từng cá nhân, và luôn mang một ý nghĩa sâu xa: “Con muốn suy niệm bảy lời cuối cùng của Chúa trên Thánh Giá, trước khi Chúa – Đấng là Ngôi Lời vĩnh hằng của Thiên Chúa – sẽ phải câm lặng trong cái chết trên trái đất này. Chúa đã nói bảy lời này với đôi môi khô khan và từ trái tim tràn đầy đau khổ. Đó là các lời của trái tim. Chúa đã nói các lời này cho tất cả mọi người. Chúa cũng đã nói với chính con. Xin hãy để cho các lời của trái tim Chúa thấm nhập vào trái tim con. Thật sâu và vào tận sâu kín hồn con, Chúa ơi. Nhờ đó con có thể hiểu được các lời đó. Nhờ đó những lời này sẽ không bao giờ bị quên lãng, mà ngược lại các lời từ trái tim Chúa luôn sống động và trở nên sức mạnh cho trái tim chết yếu của con. Vì thế, xin hãy nói các lời đó với con. Như thế, con sẽ đón nhận và nghiễn ngẫm âm thanh cao quý này.

Một lần nào đó Chúa sẽ nói với con trong cái chết của con và sau cái chết của con. Như thế, những lời này từ trái tim của Chúa sẽ là sự khởi đầu vĩnh cửu hay là một kết thúc vô tận.

Lạy Chúa, xin hãy cho con được lắng nghe lời nhân hậu và lời tình yêu của Chúa trong chính cái chết của con, những lời mà con

sẽ không bao giờ xao lãng bỏ qua. Xin hãy giúp con ngay bây giờ biết đón nhận vào trong trái tim quảng đại sẵn sàng của con các lời cuối cùng của Chúa trên Thánh Giá".[iii]

Thật vậy, các lời cuối cùng của Chúa Giê-su trên Thánh Giá có một sức mạnh đặc biệt. Nếu chúng ta đọc kỹ lưỡng và suy niệm từng lời một, và để từng lời vang vọng và đi vào trong tâm hồn, chúng ta sẽ khám phá ra giá trị cao quý của những lời đó, như là sứ điệp thiêng liêng hay nói một cách khác là những di ngôn thiêng liêng cao quý của Đấng Cứu Độ để lại cho mỗi người chúng ta. Các lời này giúp chúng ta đi vào cuộc gặp gỡ với Chúa Giê-su, Đấng chết trên Thánh Giá để cứu độ chúng ta. Các lời này của Chúa diễn tả những nỗi đau khổ và sợ hãi của Chúa, nhưng cũng giúp chúng ta đụng tới những hãi sợ và khổ đau của đời người chúng ta. Và qua đó, với Chúa và với sức mạnh của Lời Chúa, sự sợ hãi và mọi khổ đau của chúng ta sẽ được biến đổi và thánh hoá vào trong niềm tin tưởng và phó thác. Niềm tin và phó thác vào bàn tay nhân hiền và trái tim giàu lòng thương xót của Chúa Giê-su, nơi chúng ta tìm thấy niềm hy vọng, ngay lúc chúng ta không còn hy vọng.

Những lời cuối cùng của Chúa hay còn gọi là những di ngôn của Chúa không phải là những bài giảng cao siêu, mà là những lời thật ngắn gọn nhưng chất chứa ý nghĩa sâu xa, đụng tới chỗ thẳm sâu nhất của phận người.

Các lời cuối cùng này cũng được một số nhạc sĩ phổ nhạc. Ở đây có thể nhắc tới nhạc sĩ Heinrich Schuetz (* 1585, + 1672), người Đức sống trong thế kỷ thứ 16, với tác phẩm Thánh Ca *Sieben Letzten Worte Jesu – Bảy Lời Cuối cùng của Chúa Giê-su* (khoảng 1645). Sau hơn một thế kỷ, nhạc sĩ Franx Joseph Haydn (* 1732, + 1809) người Áo, sáng tác tác phẩm *Die sieben letzten Worte unseres Erlösers am Kreuze – Bảy lời cuối cùng của Đấng Cứu Độ chúng ta ở trên Thánh Giá* (1785). Với tác phẩm âm nhạc này,

Haydn muốn đưa người nghe đi vào tinh thần chiêm niệm những lời cuối cùng của Chúa Giê-su. Có cả một nghi thức giúp cầu nguyện, kết hợp với tác phẩm âm nhạc của Haydn: đầu tiên Đức Giám Mục hay Linh Mục chủ sự nghi thức bước lên bục giảng, đọc từng lời cuối cùng của Chúa Giê-su, và ngài sẽ suy niệm lời đó, sau đó ngài bước đến trước bàn thờ và quỳ xuống thờ lạy Thiên Chúa, trong khi đó tác phẩm âm nhạc *Die sieben letzten Worte unseres Erlösers am Kreuze* vang lên, để từ từ hướng lòng mọi người vào tinh thần chiêm niệm từng lời của Chúa Giê-su, Đấng Cứu Độ chúng ta, đang nói với chúng ta từ trên Thánh Giá.

Ngoài ra, có thể kể thêm tác phẩm khác là *Les sept paroles du Christ en croix – Bảy Lời của Đức Ki-tô trên Thánh Giá*, của César Franck (* 1822, + 1890), người Pháp. Đó là một số tác phẩm Thánh Ca nổi tiếng, diễn tả những lời nói cuối cùng của Chúa Giê-su.

Bảy lời cuối cùng trên Thánh Giá là sứ điệp đầy ý nghĩa mà Chúa Giê-su, Đấng Cứu Độ để lại cho chúng ta. Sứ điệp đó vang lên từ Thánh Giá của Ngôi Hai Thiên Chúa, Đấng yêu thương nhân loại, đến nỗi Ngài sẵn sàng hiến dâng chính mình, để chuộc lại mỗi con người Ngài yêu thương. Dưới đây là bảy lời cuối cùng của Chúa, là sứ điệp không thể quên lãng.

2. Sứ điệp từ Thánh Giá không thể quên lãng.

- **Lạy Cha, xin tha cho chúng, vì chúng không biết việc chúng đang làm (Lc 23,34).**
- **Quả thật, Ta bảo với anh: Hôm nay anh sẽ được ở với Ta trong thiên đàng (Lc 23,43).**
- **Thưa Bà, đó là con Bà – Đó là Mẹ của con (Ga 19,26-27).**
- **Lạy Thiên Chúa của Con, lạy Thiên Chúa của Con, sao Người đã bỏ Con? (Mt 27,46; Mc 15,34).**
- **Ta khát (Ga 19,28).**
- **Mọi sự đã được hoàn tất (Ga 19,30).**
- **Cha ơi, Con phó tâm hồn của con trong tay Cha (Lc 23,46).**

Đọc bảy lời này, chúng ta thấy rằng các Tin Mừng trình bày cho chúng ta cái chết của Đấng Cứu Độ, khi thì như một tổng thể đầy đủ, khi lại như một tổng thể gồm những phần tách biệt nhau.

Thánh Phao-lô Tông Đồ nói về Thánh Giá như một tổng thể đầy đủ không bị phân chia ra, khi ngài nói trong thư gửi tín hữu Philipphê (Pl 2,8) rằng: Chúa Giê-su Ki-tô "đã trở nên vâng phục cho đến chết và chết trên Thánh Giá".

Ngược lại, các Tin Mừng trình bày chi tiết những thời khắc và những cảnh tượng Thánh Giá. Và qua 4 Tin Mừng, chúng ta có được bảy lời cuối cùng như là sứ điệp của Chúa Giê-su để lại.

3. Số 7 – con số ngẫu nhiên?

Con số 7 ở đây, theo một số nhà thiêng liêng học, không phải là một con số ngẫu nhiên. Số 7 mang một ý nghĩa biểu tượng trong Kinh Thánh. Đó là con số hoàn hảo và con số mang tính cách biến đổi.

Mỗi tuần có 7 ngày. Chúng ta cũng biết đến 7 Bí Tích, 7 ơn Thánh của Chúa Thánh Thần, và khi nhắc đến sự tha thứ, Phê-rô cũng hỏi Chúa có phải tha đến 7 lần không, Chúa Giê-su đã trả lời Phê-rô: *"Không phải chỉ tha 7 lần nhưng là 70 lần 7"* (x. Mt 18, 22).

Hơn nữa, Radcliffe còn coi 7 lời cuối cùng của Chúa như là phương thuốc trị liệu cho 7 mối tội đầu.[iv] Như thế, con số 7 của trần thế đã được Thần Khí của Chúa làm cho đầy tràn và biến đổi trở thành con số hoàn hảo, con số Thánh[v] được gắn với Đức Ki-tô. Qua đó, con số bảy đó muốn diễn tả chân dung của Đức Ki-tô, Đấng Cứu Rỗi, Đấng hoàn hảo trong suốt cuộc đời của Ngài, trong

Lời Giảng, trong những sứ mạng Ngài đã thực thi theo thánh ý Chúa Cha và để cứu rỗi loài người.

7 Lời đó được Ngài nói trong khoảng thời gian Ngài bị treo trên Thánh Giá.

4. Mốc thời gian của sứ điệp từ Thánh Giá.

Qua bốn Tin Mừng, có thể nhận ra được thứ tự thời gian của 7 lời cuối cùng của Chúa Giê-su. Cụ thể 7 lời này có thể được chia ra làm 3 phần nhỏ: trước, trong và sau 3 giờ chiều.

– Trước 3 giờ chiều là lời thứ nhất đến lời thứ ba:

- Lạy Cha, xin tha cho chúng, vì chúng không biết việc chúng đang làm (Lc 23,34).
- Quả thật, Ta bảo với anh: Hôm nay anh sẽ được ở với Ta trong thiên đàng (Lc 23,43).
- Thưa Bà, đó là con Bà – Đó là Mẹ của con (Ga 19,26-27).

– Trong thời gian 3 giờ chiều, Chúa Giê-su nói lời thứ Tư:

- Lạy Thiên Chúa của Con, lạy Thiên Chúa của Con, sao Người đã bỏ con? (Mt 27,46; Mc 15,34).

– Sau 3 giờ chiều, Chúa Giê-su nói ba lời cuối:

- Ta khát (Ga 19,28).
- Mọi sự đã được hoàn tất (Ga 19,30).
- Cha ơi, Con phó tâm hồn của con trong tay Cha (Lc 23,46).

Đó là mốc thời gian của 7 lời này. Ngoài ra, chúng ta có thể tìm thấy cấu trúc của bảy di ngôn.

5. Vài nét đặc sắc của sứ điệp từ Thánh Giá.

Trước hết là sự tương quan gần gũi của Chúa Giê-su với Cha trên trời. Chúa Giê-su đã kêu lên Cha, đã cầu nguyện với Cha, trong những giây phút đầu tiên khi Ngài vừa bị đóng đinh trên Thánh Giá, cũng như Ngài kêu lên Cha, khi Ngài cảm thấy nỗi cô đơn tột cùng như bị Thiên Chúa bỏ rơi hoàn toàn, và cuối cùng khi Ngài trút hơn thờ cuối cùng, Ngài phó thác linh hồn của Ngài trong tay Cha. Mối tương quan gần gũi và gắn bó với Cha trên trời là một trong những nét rất đặc biệt trong đời sống của Chúa Giê-su. Nếu chúng ta trở về lại khung cảnh của vườn Giêt-si-ma-ni, sẽ thấy thật rõ ràng tâm tình của Chúa Giê-su với cha mình: *"Lạy Cha, nếu Cha muốn, xin cất chén này xa con. Tuy vậy, xin đừng làm theo ý con, mà làm theo ý Cha".* (Lc 22,42).

Điểm đặc sắc thứ hai nằm trong hai lời đầu tiên diễn tả lòng nhân từ của Chúa Giê-su. Lòng nhân từ đó đầu tiên được Chúa giành cho những người đóng đinh Chúa vào Thánh Giá. *Lạy Cha, xin tha cho chúng*. Sau đó Ngài còn gián tiếp xin lỗi Cha trên trời thay cho những kẻ đó, khi Ngài nói *vì chúng không biết việc chúng đang làm* (x. Lc 23,34).

Lời của Chúa Giê-su giúp chúng ta nhận ra ý nghĩa của bài giảng của Thánh Phê-rô trong sách Tông Đồ Công Vụ. Bài giảng này Thánh Phê-rô giảng tại đền thờ Giê-su-sa-lem cho dân chúng đang tụ họp ở đó. Ngài diễn tả sống động về Tôi Trung của Thiên Chúa, là Chúa Giê-su Ki-tô, *"Đấng mà chính anh em đã nộp và chối bỏ trước mặt quan Phi-la-tô, dù quan ấy xét là phải tha. Anh em đã chối bỏ Đấng Thánh và Đấng Công Chính, mà lại xin ân xá cho một tên sát nhân. Anh em đã giết Đấng khơi nguồn sự sống, nhưng Thiên Chúa đã làm cho Người trỗi dậy từ cõi chết: về điều này, chúng tôi xin làm chứng".* (TĐCV 3, 14-15). Sau khi nói với đám đông như thế, Phê-rô lên tiếng tiếp: *"Thưa anh em, giờ đây tôi*

biết anh em đã hành động vì không hiểu biết, cũng như các thủ lãnh của anh em". (TĐCV 3, 17).

Như thế, Chúa Giê-su cảm thông cho sự không biết hay không hiểu biết của những kẻ hại Ngài, để tha thứ cho họ. Qua đó, Chúa Giê-su phân biệt rõ rệt sự ác (thần dữ) và con người. Đặc biệt Ngài yêu thương những con người bị sự ác và thần dữ chế ngự và điều khiển, dù họ có hãm hại Ngài, Ngài vẫn đồng cảm và hiểu họ, thông cảm và tha thứ cho họ. Thật vậy, tất cả những gì Chúa Giê-su giảng về tinh thần tha thứ, Ngài đều sống và thực thi cách trọn vẹn. Cũng diễn tả lòng nhân từ cách sống động, khi Chúa Giê-su đã nói với một kẻ trộm cùng chịu đóng đinh với Ngài: *"Hôm nay anh sẽ được ở với Ta trong thiên đàng".* (Lc 23,43).

Nét đặc sắc khác là lời Ngài nói với Mẹ mình và nói với môn đệ yêu dấu: *"Thưa Bà, đó là con Bà – Đó là Mẹ của con"* (Ga 19,26-27). Một lời thân thương với Mẹ mình, người Mẹ đã sinh con trong hang lừa Bê-lem nghèo nàn và ấp ủ con trong lòng, để dưỡng nuôi và chở che cũng là người Mẹ ôm xác con vào lòng, một cái xác với biết bao thương tích và dính đầy vết máu của khổ đau, của bất nhân. Người Mẹ đó được Con phó thác cho người môn đệ yêu dấu trông nom, và Ngài cũng trao chính người môn đệ cho Mẹ trông coi, đó chính là gia đình mới của Mẹ, và là chính mỗi người trong Giáo Hội, trong Cộng Đoàn Dân Chúa.

Hai lời kế tiếp của Chúa Giê-su diễn tả sự đau khổ.

Lời đầu tiên nói về sự đau khổ tâm hồn, sự đau khổ bị bỏ rơi: *"Lạy Thiên Chúa của Con, lạy Thiên Chúa của Con, sao Người đã bỏ con?"* (Mt 27,46; Mc 15,34). Lời này được lấy từ Thánh Vịnh 22, diễn tả lời kêu cầu của người lành thánh gặp hoạn nạn, và kêu cầu Thiên Chúa.

Sự đau khổ thứ hai thuộc về thân xác: *"Ta khát"* (Ga 19,28). Một thân xác khô cằn, một thân xác cần nước cũng là một thân xác khao khát biết bao tâm hồn.

"Mọi sự đã được hoàn tất" (Ga 19,30). Đó là lời thứ sáu của Chúa Giê-su. Ngài đã thực hiện trọn vẹn sứ mạng được Cha trên trời tin tưởng giao phó. Sự trọn vẹn đó được biểu lộ qua sự hiến dâng toàn bộ con người của Ngài cho Cha, và cho nhân loại. Tất cả những gì được viết trong các Cựu Ước giờ đây tìm thấy dấu chấm hoàn hảo nơi Thánh Giá của Chúa Giê-su.

Và cuối cùng Chúa Giê-su thốt lên: *"Cha ơi, Con phó tâm hồn của con trong tay Cha"* (Lc 23,46). Trong niềm tin tưởng tuyệt đối, Chúa Giê-su đã phó thác hồn mình trong bàn tay dấu ái của Cha. Tâm tình này diễn tả sống động Thánh Vịnh 16, 1.10-11:

"Lạy Chúa Trời, xin giữ gìn con,
vì bên Ngài, con đang ẩn náu.
Chúa chẳng đành bỏ mặc con trong cõi âm ty,
không để kẻ hiếu trung này hư nát trong phần mộ.
Chúa sẽ dạy con biết đường về cõi sống:
trước Thánh Nhan, ôi vui sướng tràn trề,
ở bên Ngài, hoan lạc chẳng hề vơi!".

Đó là vài nét đặc sắc của bảy lời cuối cùng của Chúa Giê-su trên Thánh Giá. Ngoài ra, cũng có thể nói về cấu trúc của bảy lời này.

6. Thử đi tìm cấu trúc của bảy di ngôn.

Khi đọc kỹ bảy lời cuối cùng của Chúa Giê-su, có thể nhận ra rằng, trong bảy lời này, thì 3 lời đầu tiên: *(1) Lạy Cha, xin tha cho chúng, vì chúng không biết việc chúng đang làm (Lc 23,34), (2)*

Quả thật, Ta bảo với anh: Hôm nay anh sẽ được ở với Ta trong thiên đàng (Lc 23,43), (3) Thưa Bà, đó là con Bà – Đó là Mẹ của con (Ga 19,26-27), cho thấy ân sủng tuôn trào cho cuộc sống nhân loại từ cái chết của Đấng Cứu Độ: Sự tha thứ các người xúc phạm, việc được vào thiên đàng, những mối tương quan của tình yêu của đời sống Ki-tô hữu. Đó là phần thứ nhất.

Phần thứ hai gồm bốn lời cuối cùng: *(4) Lạy Thiên Chúa của Con, lạy Thiên Chúa của Con, sao Người đã bỏ Con? (Mt 27,46; Mc 15,34). (5) Ta khát (Ga 19,28). (6) Mọi sự đã được hoàn tất (Ga 19,30). (7) Cha ơi, Con phó tâm hồn của con trong tay Cha (Lc 23,46).* Bốn lời này diễn tả bản chất và những đặc tính của đời sống Ki-tô hữu: Đau khổ tuyệt đối, như trong trường hợp của Chúa Giê-su bị Thiên Chúa bỏ rơi trong ba giờ hấp hối; cơn khát; công việc hoàn tất; sự lệ thuộc với Chúa Cha trên trời cho đến giờ cuối cùng trên thế gian. [vi]

7. Thay cho lời kết.

Cuối cùng, xin mời mọi người dành thời gian trong tuần thánh suy niệm bảy di ngôn này với 3 dấu đinh của Chúa trên Thánh Giá, như là biểu tượng cho ba tâm tình:

- Dấu đinh thứ nhất: Với tất cả tấm lòng yêu thương Chúa, hướng nhìn lên Thánh Giá Chúa, như Mẹ Maria và các phụ nữ cùng Thánh Gioan ngày xưa.

- Dấu đinh thứ hai: Dang tay hướng về trời cao, như Đấng Đấng Chịu Đóng Đinh, để cùng Ngài, chúng ta trở thành con người thờ phượng Thiên Chúa trên hết mọi sự. Ngài là Thiên Chúa duy nhất không còn Chúa nào khác. Ngài là trung tâm điểm duy nhất, không có trung tâm điểm nào khác.

- Dấu đinh thứ ba: Đôi tay dang ra như Chúa trên Thánh Giá, để ôm ấp Chúa và anh chị em đồng loại. Đó là cử chỉ của tình huynh đệ tròn đầy, trọn vẹn.

Chúng ta tín thác những giờ phút suy niệm về sứ điệp từ Thánh Giá Chúa, sứ điệp không thể quên lãng, cho Mẹ Maria, Nữ Vương Bình An, và cho các Thánh Tử Đạo nước Việt Nam, những vị thánh theo chân Chúa Giê-su đã chọn Thánh Giá là báu vật của tình yêu dâng hiến, là nền tảng của niềm tin sắt đá.

---

[i] x. RADCLIFFE T., *Les Sept dernières paroles du Christ*, Les Éditions du Cerf, Paris 2004, t.9.

[ii] ĐTC. BENEDICTO XVI, *Bài Giáo Lý Thứ 26 về Cầu Nguyện: Lời Cầu Nguyện của Chúa Giê-su trên Thánh Giá,* http://www.giaoly.org/

[iii] RAHNER K., *Wort vom Kreuz*, Herder Verlag, Freiburg 1980, t.50.

[iv] x. RADCLIFFE T., *Les Sept dernières paroles du Christ*, t.9-10.

[v] x. GRUEN A., *Sieben Schritte ins Leben*, Kreuz Verlag, Freiburg 2010, E-book, phần *Einleitung*.

[vi] x. REGARD P., *Bảy Lời Trên Thánh Giá* – BTGH chuyển ngữ, nguồn http://www.simonhoadalat.com/

CN LỄ LÁ – A
Mt 26,14–27,66
CÀNH LÁ ĐÓN CHÚA

Tuần Thánh khởi đầu bằng nghi thức làm phép lá và kiệu lá, vì thế mà thánh lễ này được gọi là Lễ Lá. Nhớ thời xa xưa, trong hoàn cảnh người Do Thái bị đế quốc Rôma thống trị, họ luôn mong đợi Đấng Cứu Thế đến để giải thoát họ, khỏi nỗi thống khổ. Có thể trong suy nghĩ của họ Đấng Cứu Thế là một vị vua đến đánh đuổi người Rôma dành độc lập, thoát khỏi cảnh nô lệ. Vậy khi Chúa Giêsu xuất hiện giữa họ, Người ăn ở khiêm nhường, đơn sơ, giản dị, gần gũi người nghèo khổ. Họ đã hy vọng Người là vua, là vị vua họ hằng mong đợi, đến để cứu họ. Đến kỳ lễ Chúa Giêsu lên Giêrusalem, Ngài chọn cưỡi trên một con lừa, đi lên Giêrusalem, dân chúng nhìn thấy Người, họ nhận ra ngay đây là vị vua họ đang mong đợi. Họ mừng rỡ hò reo, tung hô Chúa: hoan hô con vua Đavít, chúc tụng Đấng nhân danh Chúa mà đến.

Vấn đề đáng chú ý ở đây là cành lá: vì dân chúng nghèo khó không có cờ quạt, không có gì cả, đã dùng cành lá để tung hô. Cành lá là của người nghèo, là phương tiện của người nghèo, thay cho cờ quạt, thay cho chiêng trống. Người dân cầm cành lá để chào đón vị vua của mình. Ngày nay trong ngày Lễ Lá, giáo dân cầm cành lá, dương cao cành lá, để tung hô Chúa, là vua nhân lành, sống khiêm nhường, đơn sơ, giản dị, hạ mình làm người nghèo.

Hôm nay, cách nào đó không còn nghèo như người Do thái xưa, nhưng người Kitô hữu vẫn dùng lá trong Chúa Nhật lễ Lá đón Chúa vào thành Giêrusalem có ý nghĩa gì? Cành lá màu xanh giúp ta suy nghĩ về phận người: phận người mong manh như chiếc lá. Kiếp sống chóng qua sớm nở chiều tàn. Chiếc lá vừa màu xanh đã nhanh chóng tàn úa. Giàu sang, danh vọng, bạn bè, sự nghiệp ở đời một ngày sẽ tan như mây khói. Kiếp người chỉ như chiếc lá, sẽ có ngày tàn. Đừng bám víu và coi đó là lẽ sống của mình, đặt trọn vẹn tâm

huyết vào nó, rồi sẽ sớm có ngày thất vọng. Vì vinh quang trần thế, dù chói lọi đến đâu cũng đến hồi tắt lịm. Sinh vào đời với hai bàn tay trắng, ta sẽ bước ra khỏi cõi đời cũng trắng tay. Điều quan trọng là làm được gì để lại cho đời.

Ngày lễ Lá còn gợi nhớ cho mỗi người Kitô hữu nhìn người rồi nhìn lại mình: nhìn người Do Thái đã đối xử với Chúa, vị Vua mà họ tôn nhận như thế nào? Khi Chúa vào thành Giêrusalem! Cả một bầu khí cuồng nhiệt, hăng say, kính mến, qua việc cầm cành lá, qua lời tung hô đón chào Chúa, biểu lộ lòng kính mến thật hồn nhiên, thật dễ thương. Chúa vừa vinh hiển vào thành chưa được bao lâu đã phải tủi nhục chết trên thập giá. Nơi cổng thành có biết bao người ra chào đón tung hô, nhưng trên Núi Sọ còn mấy người theo Chúa?

Từ chúa nhật Lễ Lá đến thứ Sáu tuần thánh thời gian không dài, nhưng biết bao người đã thay lòng đổi dạ. Những cánh tay cầm lá giơ cao hết mình tung hô hôm trước, giờ đây lại giơ cao không kém đòi Philatô lên án tử cho Chúa. “Các ngươi muốn Ta làm gì cho vua dân Do Thái?" Nhưng chúng lại kêu lên: "Đóng đinh nó đi!". Philatô đáp lại: "Người này đã làm gì nên tội?". Song chúng càng la to hơn: "Đóng đinh nó đi!". Thế mới biết, lòng dạ con người, giống như cành lá những người dân thành Giêrusalem cầm trong tay, mới đó còn xanh tươi, nay đã ngả màu, tàn úa.

Ngày Lễ Lá còn có ý nghĩa gì cho mỗi người Kitô hữu chúng ta ngày hôm nay? Làm sao để ta luôn đi trên đường theo Chúa và trung thành với Chúa? Dù ở bậc sống nào đi nữa, mỗi người có một bổn phận phải chu toàn. Có thể ơn gọi gia đình hay tu trì. Chúa trao cho chúng ta những bổn phận, như vốn liếng cần được quản lý và sinh lợi. Dù đó là một trách nhiệm quan trọng có ảnh hưởng đến nhiều người hay thông thường nhỏ bé. Nhưng tất cả có một điểm chung đều phải lo chu toàn theo lương tâm và trước mặt Chúa. Trung tín trong bổn phận được trao phó, đó là một đức tính quan trọng giúp chúng ta trưởng thành và vươn lên. Để làm được điều đó không phải dễ, nhưng cũng không phải quá khó, nếu ta biết lấy

Lời Chúa làm kim chỉ nam. Lời Chúa sẽ hướng dẫn ta biết sáng suốt trước những chọn lựa trong đời sống. Lời Chúa sẽ soi sáng cho ta trong những lúc bóng tối vây phủ. Lời Chúa sẽ hướng dẫn ta biết lối quay về nếu lỡ lạc đường. Lời Chúa sẽ biến ta trở thành chứng nhân cho Chúa trong xã hội hôm nay. Cảm nghiệm được tình yêu thương của Chúa, ta sẽ trung thành với Chúa cho đến cùng.

Mỗi dịp lễ Lá, nhắc nhớ mỗi người: cần ta mang cành lá trung tín, cậy trông, cành lá yêu thương của Chúa đi suốt quãng đường dương thế để đón mừng Chúa nơi Giêrusalem Thiên Quốc. Amen

Lm. Phêrô Nguyễn Thanh Phong

CN PS - A
Ga 20, 1-9
SỐNG LẠI

Sống lại là một Mầu Nhiệm cá thể lớn lao mà trí hiểu của con người mà không thể nào hiểu thấu được. Vì một lý do đơn giản đó là con người mang một tất định là phải chết. Con người sẽ chết, Anh A, Anh B, Anh C… là con người, vậy Anh A, Anh B, Anh C đều sẽ chết. Với yếu tố tất định đó nó đã ăn sâu vào tâm khảm của con người nên việc ngôi mộ trống của Đức Giêsu Kitô là một thách đố cho con người "sáng sớm ngày thứ nhất trong tuần, lúc trời còn tối, Bà Maria Matdala đi đến mộ, thì thấy tảng đá đã lăn ra khỏi mộ. Bà liền chạy về gặp Ông Simon Phêrô và người môn đệ Đức Giêsu thương mến" Bà nói " người ta đem Chúa đi khỏi mộ, và chúng tôi chẳng biết họ để người ở đâu". Quả thật sự kiện sống lại là một Mầu Nhiệm đối với con người, nhưng Mầu Nhiệm là một điều có thật mà trí hiểu con người không thể thấu đạt chỉ nhờ mạc khải và Đức Tin thì con người mới hiểu được. " Bấy giờ người môn đệ kia, kẻ đã tới mộ trước, cũng đi vào. Ông đã thấy và đã tin". Thậy vậy trước đó, hai ông chưa hiểu rằng, theo Kinh Thánh, Đức Giêsu phải trỗi dậy từ cỏi chết.

Với Mầu Nhiệm Phục Sinh và sự sống lại của Đức Giêsu người kitô hữu phải suy niệm về cuộc vượt qua của Đức Giêsu Kitô. Con Thiên Chúa xuống thế làm người đã thực sự chết và thực sự sống lại, để con người được làm con Thiên Chúa, được hưởng ơn cứu độ, được sống lại ngày sau hết giống Đức Giêsu Kitô.

Thánh Phaolô đã thể hiện niềm tin, niềm hy vọng chắc chắn và tuyệt đối vào Đức Giêsu Kitô Phục Sinh. "Nếu Đức Giêsu Kitô, thì lời rao giảng của chúng tôi trống rỗng" (1 Cr 15,14) "mà nếu Đức Giêsu Kitô đã không trỗi dậy, thì lòng tin của anh em thật hảo huyền, và anh em vẫn sống trong tội lỗi của anh em. Hơn nữa, cả những người đã an nghĩ trong Đức Giêsu Kitô đã tiêu vong. Nếu chúng ta đặt hy vọng vào Đức Giêsu Kitô chỉ vì đời này mà thôi, thì chúng ta là những kẻ đáng thương hơn hết mọi người" (1 Cr 15,17-19). Quả thật chúng ta tin vào Mầu Nhiệm Phục Sinh, sự sống lại Đức Giêsu Kitô thì đó là một sự khôn ngoan, một nền tảng vững chắc cho việc chúng ta sẽ giống Đức Giêsu Kitô cho một cuộc vượt qua chết và sống lại thật.

Chúa Giêsu đã thực sự chết, đây là một điều chắc chắn với những nhân chứng, lý chứng và luận chứng, cái chết của Đức Giêsu Kitô là một bản án oan của dân chúng với lãnh đạo do thái giáo Chúa Giêsu đã bị kết án tử, bị đánh đòn vác thập giá, đội mão gai bị đóng đinh trên cây thập giá trên đồi Canvê, giữa hai người tử tội bị lưỡi đồng đâm thâu, sau đó, các môn đệ đã táng xác Chúa có sự chứng kiến của quân lính với lãnh đạo do thái và đã ứng nghiệm lời Tiên Tri của cụ già Simêon. " Một lưỡi gươm sẽ đâm thâu tâm hồn Bà" Đức Maria đã đồng hành với Đức Giêsu cho đến cùng trong cái chết của Người.

Chúa Giêsu đã thực sự sống lại với sự kiện ngôi mộ trống, xác Chúa Giêsu không còn đó, và thiên thần nói " Phần các bà, các bà đừng sợ! tôi biết các bà tìm Đức Giêsu, Đấng bị đóng đinh, Người không còn ở đây, vì Người trỗi dậy như Người đã nói" (Mt 28, 5-6) cùng với những cuộc hiện ra cho Maria Matdala (X. Ga 28, 11-18) với phụ nữ đi viếng mộ Ngài (X. Mt 28, 9-10; Mc 16, 9; Ga 20, 11-18).

Chúa Giêsu còn hiện ra với môn đệ trên đường Emmau (X Mc 16, 12-13; Lc 24, 13-35). Chúa Giêsu đã hiện ra với các môn đệ (X Ga 20, 15-29; Ga 21, 1-14). Chúa Giêsu với những nhân chứng, lý chứng và luận chứng.

Quả thật trong cuộc sống của mỗi người kitô hữu cần và rất cần thiết để suy niệm về cuộc vượt qua của Đức Kitô để chúng ta vượt qua tất cả những khó khăn, thử thách, đau khổ đôi lúc kể cả những oan ức trong cuộc sống mà chúng ta phải chịu vì Đức Kitô phải thực sự trải qua những đau khổ mới tiến tới vinh quang. Đức Giêsu đã thực sự trải qua cuộc vượt qua là thực sự chết và thực sự sống lại. Chính trong đức tin vào Đức Kitô phục sinh sẽ làm cho cuộc sống của chúng ta có ý nghĩa những đau khổ của chúng ta mang một ý nghĩa vượt qua. Chính trong Đức Tin này chúng ta mới mạng dạng nói với người khác như các Thánh Tông Đồ đã nới: " Chúng tôi rao giảng Đức Kitô chịu đóng đinh, chịu chết, sống lại, chúng tôi tin như vậy, ai tin giống chúng tôi thì được ơn cứu độ". Được sống lại vượt qua yếu tố tất định của con người là phải chết để tiến tới phục sinh giống Đức Kitô.

Lm. Đaminh Nguyễn Hoàng Vũ

CN II PS – A

Ga 20, 19-31

VỮNG MỘT NIỀM TIN

Hoa bạch chỉ là loại hoa nổi tiếng quý giá. Có một người dân thành thị về chốn thôn dã tìm hái hoa này. Anh ta nghĩ hoa quý, ắt phải nở trên đỉnh núi cao, bèn cố sức trèo lên đỉnh núi tìm hoa. Lên đến đỉnh núi, anh ta lục lạo suốt buổi mà chẳng thấy bông hoa nào, đành thất vọng xuống núi, ra về tay không.

Hôm sau, anh ta lại tìm theo lối cũ lên núi lục lạo thêm một phen nữa, vẫn không kiếm ra. Ngày thứ ba, anh vẫn chưa nản chí, tiếp tục leo lên đỉnh núi tìm hoa bạch chỉ. Anh tự nhủ:

– Giống hoa quý này chỉ có trên đỉnh núi cao, ta không tin là sẽ không kiếm ra nó trên đỉnh núi cao!

Nhưng cuối cùng, anh ta vẫn không kiếm ra loại hoa quý này. Trong lúc chán nản thất thểu xuống núi, anh ta chợt thấy trong đám cỏ mọc dướii chân núi có hoa bạch chỉ. Đáng tiếc là nó đã bị chính anh giẫm nát mất rồi.

Những người quá tin vào ý nghĩ chủ quan của mình thường cố cháp, không lắng nghe ai, để rồi công sức của mình đều đem ra đổ sông, đổ biển. Tin Mừng hôm nay thuật lại sự kiện Đức Giêsu Phục Sinh, hiện ra với các tông đồ, vắng mặt Tôma.

Vì thế, khi nghe các môn đệ khác nói: "Chúng tôi đã được thấy" (Ga 10,25), ông đã không tin. Tôma đúng là một con người của thực nghiệm, việc gì cũng đòi phải kiểm chứng, đòi phải "thấy và chạm đến" mới tin. Nhưng thực ra đâu phải những gì "thấy mới tin". Có ai thấy lúc cha mẹ sinh ra mình đâu, thế nhưng vẫn tin đó là cha mẹ của mình. Có ai thấy luồng điện chạy qua sợi dây điện đâu, thế mà mọi người vẫn tin là có điện ở trên đó. Người ta thường "tin" vào các sự kiện mà người khác "thấy". Chúng ta tin Đức Thánh Chsa đang cai quản Hội thánh tại kinh thành Roma, co dù chúng ta chưa bao giờ thấy ngài. Chúng ta tin Đức Kitô chết và sống lại , cho dù chúng ta chẳng hề thấy người. Niềm tin của chúng ta chỉ dựa vào lời chứng của các Tông đồ: "Chúng tôi đã được thấy Chúa".

Như thế, niềm tin đâu chỉ dựa vào giác quan mà còn dựa vào đức tin của những kẻ đã "thấy và đã tin", những kẻ đã dám lấy cái chết để chứng minh cho niềm tin của mình.

Nếu Đức Kitô đã thỏa mãn lòng mong ước của Tôma là cho ông được "thấy và chạm đến" vết thương của Người là để củng cố niềm tin của ông. Đôi khi trong cuộc sống, Thiên Chúa cũng cho chúng ta được "thấy và chạm đến" những quyền năng phép lạ, những hồng ân bất ngờ, là để chúng ta thêm niềm tin tưởng nơi Người.

Đứng trước ân ban của Đức Giêsu cho Tôma được "thấy và chạm đến" Người, thì ông đã đáp lại bằng một cử chỉ tuyệt vời, là sấp mình xuống thưa:

"Lạy Chúa của con, lạy Thiên Chúa của con" ! (Ga 20,28). Lời tuyên xưng của Tôma quả là rõ ràng, trong suốt như pha lê. Đó là niềm tin của chúng ta. Niềm tin mãnh liệt vào Đức Giêsu đã chết và đã sống lại. Người là Chúa và là Thiên Chúa thật. Chính nhờ Tôma mà niềm tin của chúng ta được chúc phúc: "Phúc thay những ngưồi không thấy mà tin" (Ga 20,39).

Lạy Chúa, Đức tin là một ân huệ Chúa ban, chúng con xin cảm tạ Chúa. Xin thêm đức tin cho chúng con, để dù bao thăng trầm của cuộc sống, chúng con vẫn vững một niềm tin vào Thiên Chúa và con người. Amen.

Trích 'Như Thầy Đã Yêu' Thiên Phúc

CN III PS – A

Lc 24, 13-35

MỜI ÔNG Ở LẠI VỚI CHÚNG TÔI

Dưới dáng dấp một người khách lạ, Chúa Giêsu phục sinh đến với hai môn đệ Emmau. Ngài đến đúng lúc, đúng lúc họ đang bỏ cuộc, quay quắt và ray rứt vì chuyện đã qua. Ngài đi cùng với họ, đi gần bên họ, khiêm tốn trở thành một người bạn đồng hành. Ngài gợi chuyện, hay đúng hơn, Ngài muốn tham dự vào câu chuyện dở dang của họ.

Chúa Giêsu không nản lòng trước câu trả lời lạnh nhạt: "Chắc chỉ có ông mới không biết chuyện vừa xảy ra…". Ngài không cắt đứt cuộc đối thoại: "Chuyện gì vậy?" Ngài giả vờ không biết để họ nói cho vơi nỗi buồn. Chúa Giêsu kiên nhẫn lắng nghe lời họ tâm sự. "Trước đây, chúng tôi hy vọng rằng…" Như thế niềm hy vọng này chỉ còn là chuyện quá khứ. Cả niềm tin cũng trở nên chai lì, họ đâu có tin vào lời của các bà ra thăm mộ.

Khi lắng nghe, Chúa Giêsu nhận ra cái gút của vấn đề, những câu hỏi mà họ không tìm ra lời giải đáp. Tại sao một người của Chúa, người mà họ tin là Đức Kitô lại bị đóng đinh như một kẻ bị Thiên Chúa chúc dữ?

Chúa Giêsu vén mở ý nghĩa của mầu nhiệm đau khổ. Đau khổ là nhịp cầu mà Đức Kitô phải vượt qua để sang bờ bên kia là vinh quang bất diệt. Đau khổ không phải là chuyện xui xẻo, rủi ro, nhưng nó có chỗ đứng trong chương trình cứu độ.

Lời của Chúa Giêsu là Tin Mừng ngọt ngào, khiến nỗi đau của họ dịu đi, lòng họ như ấm lại.

Họ cố nài ép Ngài ở lại dùng bữa chiều. Và chính lúc Ngài cầm bánh bẻ ra trao cho họ thì họ nhận ra vị khách lạ chính là Thầy Giêsu.

Kinh nghiệm của hai môn đệ Emmau cũng là của chúng ta. Lúc ta tưởng Ngài vắng mặt, thì Ngài lại đang ở gần bên. Lúc ta nhận ra Ngài ở gần bên, thì Ngài lại biến mất rồi. Nhưng chính lúc Ngài biến mất, ta lại cảm nghiệm sâu hơn sự hiện diện của Ngài.

Ngài đến lúc ta không ngờ. Ngài đi mà ta không giữ lại được. Ngài ở lại với ta cả khi ta không thấy Ngài nữa.

Đấng Phục Sinh vẫn đến với ta hôm nay qua một người bạn hay một người lạ ta gặp tình cờ. Qua họ, Ngài thổi vào lòng ta niềm hy vọng tin yêu.

Ngài vẫn đến với ta qua từng thánh lễ. Ngài đích thân giảng Tin Mừng và bẻ bánh trao cho ta.

Sống như Chúa phục sinh là tập đến với tha nhân, tập đồng hành, tập gợi ý, tập lắng nghe, tập soi sáng…
Hôm nay vẫn có nhiều người bạn đang lê gót về Emmau.

Trích trong ‘Manna’

CN IV PS - A

Ga 10, 1-10

MỤC TỬ CHÂN THẬT

Nuôi chiên là nghề phổ biến ở Palestin. Thực tế nghề này ở đây rất vất vả. Vì địa hình hiểm trở, nhiều thú dữ, trộm cướp nên chủ chiên không chỉ có mặt cho chiên an tâm mà còn phải quan sát để chống lại kẻ thù, bảo vệ đàn vật. Đêm tối, họ lùa chiên vào một nơi được vây quanh bằng đá và chủ chiên sẽ nằm ở lối ra vào này. Có khi họ không ngủ, mắt nhìn xa, dưới trời sương giá lạnh, tựa mình vào cây trượng canh chừng cho đàn vật của mình. Hình ảnh người chăn chiên rất đẹp: Thường xuyên canh thức theo dõi, can đảm chẳng sợ hãi, kiên nhẫn yêu thương bầy chiên của mình vẫn luôn được người Do Thái dùng làm biểu tượng của sự chăm sóc, bảo vệ, thậm chí sẽ hy sinh mạng sống của mình cho đàn vật. Đức Giêsu cũng đã dùng nó để nói về chính mình.

Từ chủ chăn trong Kinh Thánh của người do thái có một liên hệ rất riêng biệt với TC, Ngài như là chủ chăn đối với dân của Người. Các Thánh Vịnh diễn tả Thiên Chúa là một chủ chăn thành tín, nhân hậu, và hiếu khách. Người dẫn dắt, chăm sóc, bảo vệ, cho chiên được an toàn, tự do, lương thực và sự sống.

Qua dòng lịch sử, hình ảnh Thiên Chúa Mục tử nhân vẫn được ghi khắc đậm nét trong văn hóa và trí nhớ của Israel. Đến thời Messia, Người ban cho họ một mục tử như lòng mong ước, như đã được chép trong sách Gr: Vào thời cuối cùng, Đức Chúa ban cho Israel một vua thông minh, sẽ cai trị theo sự công minh chính trực. Lời hứa này đã được hoàn thành trong Đức Giêsu khi Ngài công bố chính Ngài là Mục Tử Nhân Lành đã đến cho chiên được sống và sống dồi dào.

Mục Tử Nhân Lành đã hy sinh mạng sống để bảo vệ đoàn chiên. Ba lần Chúa Giêsu nhắc lại tuyên bố, "Tôi hy sinh mạng sống của mình vì đàn chiên" (câu 11,15,17). Lần thứ ba Chúa Giêsu xác định

rõ về tuyên bố này. Ngài nói Ngài có quyền, một mệnh lệnh từ Chúa Cha, để hy sinh mạng sống của mình và không chỉ để hạ nó xuống nhưng đưa nó lên một lần nữa.

Đúng thế, Chúa Kitô chuộc lại Giáo Hội với máu của chính mình (Cv 20:28). Ngài đã hiến mạng mình cho đàn chiên. Ngài đã lấy Máu và nước từ cạnh sườn Ngài mà ban cho tất cả đoàn chiên. Đó là lý do tại sao các con chiên sẽ theo không ai khác, và lý do tại sao các con chiên thuộc về Ngài, và tại sao một mình Ngài có quyền gọi họ là "con chiên tôi", và xưng mình là "người chăn hiền lành".

Nhưng rồi, thực sự chúng ta có xứng đáng với danh hiệu con chiên của Chúa không? với lòng yêu thương của vị chủ chăn của mình không? Hay mãi mãi chúng ta vẫn là những con chiên lạc, những con chiên cố tình phá rào để đi tìm một niềm vui ngoài ràn, những con chiên ngỗ nghịch làm đau lòng chủ chăn.

Thiên Chúa chính là vị Mục Tử cai trị, hướng dẫn dân Người cho đến thời cuối cùng. Và mãi mãi "Người chăn chiên lành" vẫn trung thành dâng tặng chúng ta một tình yêu thương kiên trì, theo dõi, chăm sóc. Và như thế, chúng ta an tâm cắm neo cuộc đời mình nơi Thiên Chúa, nơi sự sống dồi dào nhất.

Lm. Phêrô Nguyễn Minh Thái

CHAY TỊNH VÀ BÁC ÁI KITÔ GIÁO

Người Công giáo, theo Giáo luật một năm ăn chay, kiêng thịt hai lần : thứ tư Lễ tro và thứ sáu Tuần Thánh. Vậy đâu là ý nghĩa của việc ăn chay, kiêng thịt trong Kitô giáo ?

- Ăn chay, kiêng thịt không phải để giảm cân cho đẹp.
- Ăn chay, kiêng thịt không phải để tiết kiệm, làm giàu.
- Ăn chay, kiêng thịt không phải là việc keo kiệt, hà tiện...
- Ăn chay, kiêng thịt là để hy sinh hãm mình ép xác.
- Ăn chay, kiêng thịt là để tiết kiệm trong chi tiêu, để làm việc bác ái, giúp đỡ người nghèo. Đây chính là ý nghĩa đích thực của việc chay tịnh trong Kitô giáo. Chay tịnh hướng về bản thân mình trong việc tiết chế đồng thời cũng hướng về tha nhân trong việc bác ái.

Vậy tại sao tôi phải có trách nhiệm giúp đỡ người nghèo? Đức Thánh Cha Phanxicô đã cho chúng ta câu trả lời trong Thông điệp Fratelli Tutti "Tất cả chúng ta đều có trách nhiệm đối với người bị thương, là chính dân tộc mình và mọi dân tộc trên trái đất này. Cũng với thái độ liên đới, quan tâm và gần gũi của người Samari tốt lành, chúng ta hãy chăm sóc những thương tích yếu đau của mọi người, người lớn, trẻ em và người cao tuổi" (79)... "hãy hiện diện bên cạnh người đang cần giúp đỡ" (81)... "chúng ta sẽ cảm nghiệm được người khác là 'anh em cốt nhục' của mình" (84). "nhận ra chính Đức Kitô trong mỗi người anh em bị bỏ rơi hoặc bị loại trừ" (85). Đức Thánh Cha Phanxicô nhắc lại lời của Thánh Gioan Kim Khẩu : "không chia sẻ một phần của cải của mình cho người nghèo là ăn cắp của người nghèo và cướp đi chính mạng sống của họ. Của cải chúng ta sở hữu không phải là của chúng ta mà là của họ". Nói cách khác, như thánh Grêgôriô Cả đã khẳng định : "Khi chúng ta trao

cho người nghèo cái gì đó, thì không phải là chúng ta cho họ những gì của mình, nhưng là trả lại cho họ những gì thuộc về họ" (119).

Đến đây, chúng ta đã thấy rỏ phần nào lý do, tại sao chúng ta phải giúp đỡ người nghèo? Ước mong rằng khi hiểu được lý do, mọi người Kitô hữu chúng ta hãy ra sức thực hiện, để lòng bác ái Kitô giáo mỗi ngày được lan toả khắp mọi nơi. Thứ Sáu Tuần Thánh sắp tới sẽ là cơ hội thật tốt để mọi Kitô hữu thực hiện việc chay tịnh và bác ái.

Caritas Vĩnh long

TRANG LOAN BÁO TIN MỪNG

LÀM TÔNG ĐỒ

Một chút suy tư về sứ vụ loan báo Tin Mừng

"Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần" (Mt 28,19). Lệnh truyền của Chúa Giêsu vẫn luôn cấp bách như mới vừa nói xong, có giá trị cho mọi thời và mọi nơi. Tuy nhiên, lệnh truyền này phải được thực thi trong một hoàn cảnh cụ thể. Là người Kitô hữu và là môn đệ của Chúa Giêsu, chúng ta cần tìm ra những phương thức thích hợp và hiệu quả nhất để hoàn thành lệnh truyền của Ngài.

Dựa theo các sắc lệnh Công Đồng Vat II về Hoạt động Truyền giáo của Giáo Hội hay "Sứ vụ truyền giáo cho lương dân-Missio Ad Gentes". Truyền giáo là khái niệm được hiểu trong tương quan với những dân tộc và nhóm người nơi mà Chúa Kitô và Phúc Âm chưa được biết đến hoặc biết chưa đầy đủ.

Thông điệp truyền giáo "Redemptoris Missio" phân biệt sứ vụ truyền giáo với "thừa tác vụ mục vụ bình thường" và "tái Phúc Âm

hóa". Dựa theo Thông điệp ấy, các khái niệm "truyền giáo" và "hoạt động truyền giáo" được giải thích cặn kẽ hơn và ngày hôm nay cũng được đề cập đến vấn đề phải hiểu truyền giáo là như thế nào.

Công Đồng Vaticanô II khẳng định rằng: "Hành trình lữ thứ của Giáo Hội tự bản chất là một cuộc truyền giáo" (Ag 2), qua đó đối với Giáo Hội và mỗi Kitô hữu, việc nghiên cứu ngành học truyền giáo và thực hiện việc truyền giáo phải trở nên nền tảng năng động cho mọi người Kitô hữu và là trung tâm điểm của Giáo Hội. Vì thế, tất cả mọi người đều có nhiệm vụ thừa sai như nhau, tuy nhiên chức năng và tầm hoạt động có thể khác nhau tùy nhu cầu và khả năng riêng biệt…

Vì mục đích của truyền giáo, rao giảng, loan báo Tin Mừng hay làm chứng, chính là giới thiệu đức tin, tình yêu và miềm cậy trông của mình vào một Thiên Chúa Ba Ngôi: tạo dựng, yêu thương và cứu độ muôn người.

Một hạn từ thường dùng nữa, hiểu theo tính đặc sủng đó là "sứ vụ" hay "thừa sai", có nghĩa là được Đức Giêsu Kitô sai đi để rao giảng Tin Mừng cho muôn dân và làm cho họ trở thành môn đệ của Chúa. Từ ngữ này được gán cho những nhà truyền giáo chuyên biệt, với sứ mệnh được ủy thác chuyên biệt.

Việc truyền giáo có thể dùng bất cứ hình thức nào, miễn sao cho phù hợp với trình độ, văn hóa, với môi trường, với hoàn cảnh sống của từng vùng, từng người. Chúng ta có thể dùng: lời nói, việc làm, chữ viết, cử chỉ, thái độ, nghi lễ, đời sống chứng nhân, các phương tiện truyền thông và cả các công trình nghệ thuật… để loan báo Tin Mừng.

Dù bằng phương thế nào, thì hoạt động của Giáo Hội bao giờ cũng phải đặt sứ vụ truyền giáo lên mức ưu tiên hàng đầu. Hội Thánh không thể thoái thác lệnh truyền rõ ràng của Đức Kitô, cũng không thể tước mất của mọi người "Tin Mừng" về tình yêu và ơn cứu độ của Thiên Chúa đối với họ. Việc rao giảng Tin Mừng luôn luôn bao gồm một lời công bố rõ ràng rằng: "Trong Đức Kitô… ơn cứu độ được cống hiến cho mọi người, như một quà tặng của ân sủng và

lòng thương xót của Thiên Chúa; đó chính là nền tảng, là tâm điểm, và đồng thời là tột đỉnh của động năng việc rao giảng. Mọi hình thức hoạt động truyền giáo đều hướng tới việc rao giảng này, nó tỏ lộ và dẫn tới mầu nhiệm vốn được giữ kín từ bao thế hệ và đã được mặc khải trong Đức Kitô-tâm điểm của việc truyền giáo" (x. Rm 44).

1. Truyền giáo là việc của mọi thành phần dân Chúa

Nhiều người cho rằng "truyền giáo" là việc của các giám mục, linh mục và các tu sĩ nam nữ, là những người được Thiên Chúa chọn cách đặc biệt để chuyên lo việc truyền giáo, còn giáo dân chỉ có bổn phận đọc kinh sáng tối, và giữ lễ ngày Chúa nhật, lễ trọng là đủ. Chính vì những lý do đó mà cần phải giới thiệu cho mọi người biết "truyền giáo trong thế giới hôm nay" để mọi người cùng tìm hiểu ai là người làm công tác truyền giáo phải chăng chỉ là các giám mục, linh mục, nam nữ tu sĩ? Để trả lời vấn nạn đó xin được giới thiệu:

– Truyền giáo Theo nghĩa rộng: Là tất cả người Kitô hữu, họ là những người dùng lời nói, chữ viết, cử chỉ, thái độ, nghi lễ, đời sống chứng tá và công trình nghệ thuật để giới thiệu hay làm chứng về Chúa Giêsu Kitô và Tin Mừng Cứu độ cho người khác.

– Truyền giáo Theo nghĩa hẹp: Là các giám mục, linh mục, tu sĩ và có cả một số giáo dân được truyền chọn. Nhưng họ phải là những người được bổ nhiệm hay được sai đi sống và làm việc giữa những người khác đạo, để giới thiệu Chúa Giêsu và Tin Mừng Cứu độ cho những người chưa biết Chúa, giúp họ nhận ra Chúa và gia nhập Giáo Hội…

Với tư cách là người thực hiện sứ vụ. Nhà truyền giáo không thể làm cho người khác trở thành môn đệ của Chúa Giêsu Kitô nếu bản thân nhà truyền giáo không là môn đệ đích thực của Ngài. Chính vì lẽ đó, nhà truyền giáo phải có tư cách riêng của người môn đệ Chúa Kitô bằng đời sống kinh nguyện và việc tu luyện, mỗi ngày nhà truyền giáo lớn lên dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. Bất kể nhà truyền giáo ấy là ai, thì cũng cần phải học hỏi khuôn mẫu của Chúa Kitô và những nhà truyền giáo tiên khởi. Sách Công Vụ

thuật lại rằng: "Họ cầu nguyện xong, thì nơi họ họp nhau rung chuyển; ai nấy đều được tràn đầy Thánh Thần và bắt đầu mạnh dạn nói Lời Thiên Chúa" (Cv 4, 31).

2. Bản chất của sứ vụ truyền giáo

Bản chất truyền giáo của Giáo Hội, dựa trên chính sứ mạng thừa sai của Thiên Chúa Ba Ngôi (x. Rm 1). Trước khi Chúa Giêsu Tử Nạn, Phục Sinh và lên Trời, Người đã ủy thác cho các Tông Đồ một mệnh lệnh truyền giáo, vang lên như một lời mời gọi, một sự hiệu triệu thành khẩn: "Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần" (Mt 28,19).

Mục đích sứ vụ của Đức Kitô ngày nay vẫn luôn duy trì như vậy. Thông điệp Đấng Cứu Thế có ghi nhận: "Một trong những mục đích chính yếu của sứ vụ truyền giáo là quy tụ dân chúng để nghe Tin Mừng, để sống hiệp thông huynh đệ, để cầu nguyện và cử hành Bí tích Tạ ơn. Sống 'hiệp thông huynh đệ' (koinoia) có nghĩa là 'chỉ có một lòng một ý' (x. Cv 2,46) bằng cách xây dựng một đời sống hiệp thông về mọi phương diện: Thể lý, tâm lý, tâm linh và vật chất. Trong thực tế, cộng đoàn Kitô hữu đích thực đó quyết tâm phân phát các của cải vật chất để không ai phải túng thiếu và để tất cả mọi người có thể sử dụng của cải theo nhu cầu của mỗi người" (Rm 26).

Chúng ta được biết, sứ vụ của Chúa Con từ khi nhập thể được khởi sự cho đến cái Chết và Phục Sinh đều được Chúa Thánh Thần đồng hành và dẫn dắt. Sứ vụ của Chúa Con thiết yếu phải liên hệ và bày tỏ sứ vụ của Thần Khí, và không hủy bỏ hoạt động liên tục của Thần Khí. Chúa Thánh Thần là Đấng gieo vãi "hạt giống Lời Chúa" (x. Lg 17; Ag 3,15; Rm 28), nhưng Lời gieo vãi chính là hạt giống Thần Khí của sự hiệp thông trong tâm hồn các dân tộc. Nhưng tất cả hoạt động như thế đều hướng đến Chúa Con. Và cũng tương tự như vậy, tất cả hoạt động cứu độ của Chúa Con đều hướng đến Chúa Thánh Thần, hướng đến sự hiệp thông Đồng Bản Thể giữa Chúa Cha và Chúa Con.

Mối liên hệ tương tự như thế cũng xảy ra nơi sứ vụ của Giáo Hội ngày nay. Sứ vụ của Giáo Hội không tách biệt khỏi mục tiêu đích thực của các tôn giáo trên thế giới, như Thông điệp Sứ vụ Đấng Cứu Thế đã tuyên bố rõ ràng rằng: "Không được tách rời hoạt động phổ quát của Chúa Thánh Thần khỏi hoạt động riêng biệt của Người trong thân thể của Đức Kitô là Giáo Hội. Quả thật, chính Chúa Thánh Thần luôn luôn hoạt động, cả khi làm cho Giáo Hội được sống động hay thúc đẩy Giáo Hội loan báo Đức Kitô, cũng như khi tuôn đổ và làm tăng triển các hồng ân của Người nơi tất cả mọi người và mọi dân tộc. Người dẫn dắt Giáo Hội khám phá, cổ võ và đón nhận các hồng ân đó nhờ đối thoại" (Rm 29).

Như vậy, có một mối liên hệ và sự hỗ tương thiết yếu giữa sứ vụ của Chúa Con và sứ vụ của Chúa Thánh Thần trong thế giới. Và như vậy thì không thể có hai con đường cứu rỗi song song: "Thánh Thần, Đấng đã hoạt động trong biến cố nhập thể, trong đời sống, cuộc khổ nạn, sự Chết và cuộc Phục Sinh của Đức Giêsu nay đang hoạt động trong Giáo Hội. Như thế, Người không thay thế Đức Kitô và không phải là lấp đầy một chỗ trống, như đã có một giả thuyết nói rằng: có thể có chỗ trống giữa Đức Kitô và Ngôi Lời". (Rm 29)

Thật vậy, Thần Khí muốn thổi đâu Người muốn. Tuy nhiên, điều này không được hiểu như một hoạt động tách biệt khỏi hoạt động của Đức Giêsu Kitô và Giáo Hội của Người. Thần Khí chỉ thổi để đưa đến sự hiệp thông và thiết lập Nước Thiên Chúa trong tâm hồn các dân tộc nhờ Đức Giêsu Kitô.

3. Đời sống truyền giáo của người tông đồ

Chúa Giêsu phán rằng: "Lúa chín đầy đồng mà thợ gặt thì ít. Vậy anh em hãy xin chủ mùa gặt sai thợ gặt ra đồng gặt lúa về" (Lc 10,2; Mt 9,37-38). Vì thế, mỗi người tông đồ, phải có nơi mình một linh đạo truyền giáo thâm sâu và chuyên biệt, nhờ đó người tông đồ có thể diễn tả kinh nghiệm của cá nhân về Thiên Chúa qua Chúa Giêsu Kitô và trong Chúa Thánh Thần, bằng một phong cách chuyên biệt về đời sống cầu nguyện và hoạt động. Linh đạo ấy chứa đựng những yếu tố như:

1. Kinh nghiệm đặc biệt về Thiên Chúa.

2. Qua Chúa Giêsu Kitô một phong cách riêng về cầu nguyện.

3. Làm tông đồ.

4. Vâng nghe Chúa Thánh Thần.

5. Tinh thần tự hủy.

Đức Phaolô VI lưu ý rằng "con người thời đại này sẵn sàng nghe những chứng nhân hơn những thầy dạy". Người tông đồ không có kinh nghiệm về Thiên Chúa thì không thể nói về Chúa cho người khác. Người tông đồ không cầu nguyện thì không thể giúp người khác gặp được Chúa. Người tông đồ mà không hăng say rao giảng Tin Mừng thì như thánh Giacôbê nói: "Đức tin không có việc làm là đức tin chết". Người tông đồ không không biết lắng nghe Chúa Thánh Thần hướng dẫn thì có rao giảng cũng chỉ như thanh la phèng phèng mà thôi. Người tông đồ không tự hủy mình, luôn mang theo cái tôi, luôn vì tư lợi thì nói chẳng ai thèm nghe. Người tông đồ không có đạo đức, thì những lời họ nói chỉ là sáo ngữ, không làm chứng cho Chúa mà còn là gương mù gương xấu nữa. Vì vậy, người tông đồ không chỉ rao giảng bằng lời nói suông, mà luôn phải hiểu biết về Chúa; cầu nguyện gặp gỡ thân tình với Thiên Chúa; hăng hái ra đi loan báo Tin mừng; cần có tâm hồn đơn sơ khiêm tốn lắng nghe Chúa Thánh Thần hướng dẫn; biết từ bỏ mình chính để làm vinh danh Chúa; hơn nữa phải có một đời sống đạo đức thực sự để làm gương sáng và làm chứng cho Tin Mừng Nước Thiên Chúa.

Kết luận

Truyền giáo không phải là điều gì mới mẻ, cũng không phải là việc thích thì làm, mà là lệnh truyền của Chúa Giêsu. Chúa Giêsu đã truyền lệnh cho các tông đồ và những đấng kế vị các tông đồ: "Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần" (Mt 28,19).

Truyền giáo thuộc về bản chất của Giáo hội, nếu Giáo hội không làm việc truyền giáo thì Giáo hội tự đánh mất chính mình. Vì vậy, mỗi phần tử trong Giáo hội: giám mục, linh mục, tu sĩ nam nữ, hay giáo dân đều phải truyền giáo, hăng say ra đi loan báo Tin Mừng

như Chúa Giêsu đã căn dặn các môn đệ trước khi về trời: "Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thọ tạo" (Mc 16, 15), để làm cho danh Chúa được cả sáng, nước Chúa mau trị đến, ý Chúa được thể hiện khắp mọi nơi.

Truyền giáo bằng bất cứ hình thức nào: từ khối óc, con tim, lời nói tới những hành động bên ngoài, như Thánh Phaolô nói: "dù ăn, dù uống, hay làm bất cứ việc gì, anh em hãy làm tất cả để tôn vinh Thiên Chúa" (1Cr 10,31), miễm sao để làm sáng danh Chúa và giới thiệu Chúa cho mọi người, làm cho mọi người nhận biết và yêu mến Chúa ngày một hơn.

Ban Truyền Giáo, GPVL

MỘT CHÚT TÂM TÌNH

Nhiều con đường, một lối về

Cuộc sống có nhiều con đường. Có những người sống đơn giản, họ cứ đi theo những con đường sắp đặt sẵn, những lối mòn kẻ khác đã qua, tin vào những giá trị và hướng dẫn người khác đã vạch ra, không nghi ngờ, phân vân, ngó nghiêng nơi khác. Lại có những người muốn tự đi trên con đường mình vẽ nên, muốn tự tìm tòi khám phá, mở lối mới mẻ để thể hiện 'cái tôi' oai hùng. Nhưng dù đi trên con đường nào, không tránh khỏi việc bản thân mau chóng cảm thấy hoang mang, lạc lối, khủng hoảng, bị tác động bởi người khác, và rơi vào mớ bòng bong của những lựa chọn và hoảng loạn trong đó.

Với bao áp lực từ bên trong và bao kỳ vọng của người khác, ta cứ lao đi về phía trước như cây non bị gió cuốn, cứ chạy băng băng, chẳng nhìn lại, nhưng bối rối chẳng biết phải hướng về đâu. Càng gồng sức, ta càng thấy mình mất đi một điều gì đấy đẹp đẽ bên trong, cảm thấy thêm một chút gì đấy trống rỗng, cô đơn. Ta trở thành một kẻ cuồng công việc. Chẳng có thời gian cho bản thân.

Chẳng có thời gian cho gia đình. Cuối cùng, ta cũng sở hữu được những con số rất đáng tự hào về thu nhập. Nhưng rồi kỳ lạ sao, ta vẫn không có được cái cảm giác tích cực, hạnh phúc và bình an. Ta vẫn luôn thấy bất an, lo sợ cho tương lai. Ta sợ làm đối tác thất vọng, sợ mình chạy chưa đủ nhanh, sợ kết quả công việc không như ý. Ta sa sút trầm trọng, trong cả thể chất lẫn tinh thần. Ta bối rối, thiếu định hướng, không biết đang nỗ lực vì điều gì. Và rồi ta tự dày vò trong cái mớ nhùng nhằng, hỗn loạn, mù mờ mà ta tự vẽ nên.

Cho dù con đường nào, đã có sẵn hay bắt chước người khác, mỗi người vẫn phải tự bước đi, vượt qua thử thách, trải nghiệm thất bại để rồi tìm ra cho mình một lối nẻo riêng, một cách thế riêng. Giữa muôn con đường, quan trọng và cũng khó khăn nhất vẫn là *con đường tìm về chính mình, nắm bắt bản thân trong hiện tại, nhận chân mình là ai và không phải là ai*, vì con đường này cần dành thời gian để nhìn lại những trải nghiệm của bản thân và lắng nghe tiếng nói trong mình. Điều đó sẽ giúp ta được làm chủ cuộc sống của mình, không còn phải nỗ lực trở thành một con người khác. Mỗi người sinh ra để viết nên những câu chuyện khác nhau. Cuộc sống là tổng hoà của nhiều mối quan hệ, và cái mỗi người cần là một cuộc sống cân bằng: để bản thân được đam mê hết mình cho những gì hữu ích cho người khác; để có thời gian ở bên gia đình, thưởng thức những khoảnh khắc nhẹ nhàng và yên bình nhất; để có thời gian cho chính mình: được chăm sóc sức khoẻ, chăm sóc bản thân, làm giàu thế giới nội tâm; và để được vùng vẫy tự do, được tự mình khám phá sự kỳ diệu của thế giới ngoài kia.

Người ta chỉ nhận ra những gì khiến mình thực sự hạnh phúc, khi để cho mình được chìm vào trong sự tĩnh lặng trong mình, khi mình không bị ảnh hưởng bởi những tiếng ồn, những suy nghĩ, quan điểm của người khác. Sự tĩnh lặng đơn giản nhưng mầu nhiệm. Có lẽ vì vậy mà ai cũng nên tự thưởng cho mình những khoảnh khắc tĩnh lặng, dù chỉ một chút ít, để tiếp thêm năng lượng và đào sâu sự hiểu biết mình mỗi ngày. Thường sau khi đã trải qua một sự việc và nhìn lại, người ta mới hiểu được giá trị và ý nghĩa nó mang lại cho mình.

Đời người thiếu gì những vội vàng bước đi trên những con đường thất bại, những lần lạc lối, nhưng nhờ vậy, người ta mới hiểu được giá trị của con đường mà mình đang đi, những gì mình đang theo đuổi.

Vào Mùa Chay, các giáo xứ, các đoàn hội, các nhóm thường tổ chức những buổi tĩnh tâm. Dù tĩnh tâm tại nhà, tại giáo xứ hay đi tới một chốn tĩnh lặng ở xa, thì điều cốt lõi của các cuộc tĩnh tâm này vẫn không thay đổi, đó là thời gian 'vàng' trong đó mỗi người hồi tâm, "trở về với lòng mình". Trong vài ngàn năm, các triết gia và nhà tiên tri đã thúc giục con người phải *biết mình*. Lời Chúa trong sách Ngôn sứ Gio-en trong ngày thứ Tư Lễ Tro nhắc nhở: *"Hãy trở về cùng ta với trọn tâm hồn"* (Ge 2,12). Trở với với bản thân cũng là để trở về với Chúa và anh chị em. Con đường trở về với lòng mình không bao giờ thẳng tắp. Có những lúc tưởng như mình đã biết, rồi mình lại lung lay, bị những điều trông hấp dẫn, lung linh khác mời gọi. Nhưng phải đi rồi người ta mới biết hóa ra đã nhầm đường, rằng điều đó không dành cho mình, và quay lại nơi con người ta thuộc về. Như vậy, trở về là để đi xa hơn, vững chắc hơn và tin tưởng hơn.

Gió Biển
Nguồn: dongten.net

Nhờ trí tuệ của người đàn ông Do Thái này, Israel đã từ một hoang mạc khô cằn thành thiên đường nông nghiệp

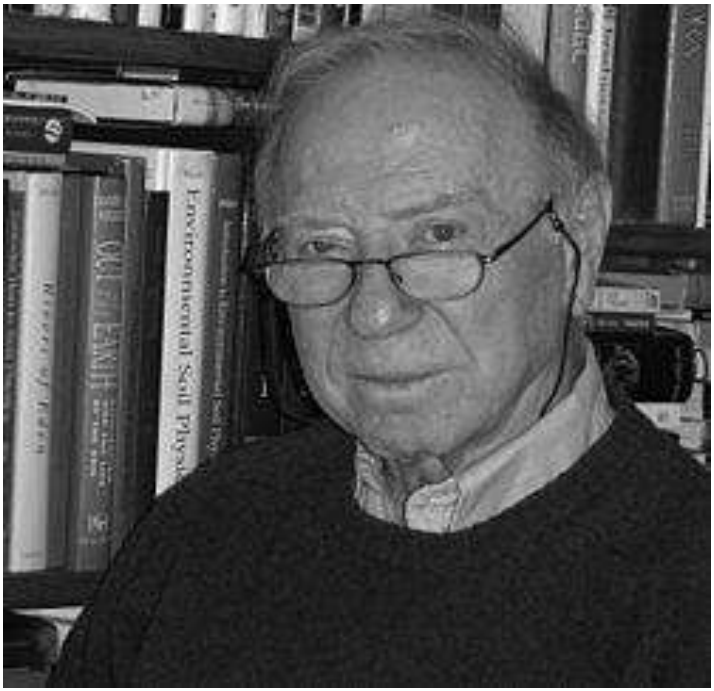

Giáo sư Daniel Hillel

Nhắc đến nông nghiệp thì không thể không nói đến Israel, nói đến Israel thì không thể không nói đến giáo sư Daniel Hillel, người phát triển hệ thống tưới nhỏ giọt nổi tiếng thế giới.

Nếu nói về ngành nông nghiệp thế giới thì không thể không nói đến Israel khi quốc gia này trở thành nhà xuất khẩu nông nghiệp lớn

trên thế giới trong khi vị trí địa lý không hề thích hợp cho nghề nông.

Tuy nhiên, nói đến nông nghiệp Israel thì không thể không nói đến nhà khoa học Daniel Hillel, người đã góp công lớn cho thành công này cũng như làm thay đổi tư tưởng về trồng trọt trên toàn thế giới.

Vào cuối thập niên 50, chuyên gia Hillel bắt đầu phát triển lý thuyết tưới nhỏ giọt trong lĩnh vực nông nghiệp. Theo đó, hệ thống tưới tiêu thay vì được sử dụng ồ ạt thì được điều chỉnh phù hợp, từ tưới ít với lượng nhiều đến tưới nhiều lượng ít.

Bằng cách loại bỏ lượng nước dư thừa không hiệu quả trong tưới tiêu, phương pháp của ông Hillel giúp nông dân Israel dùng ít nước hơn nhưng lại cho hiệu suất cao hơn.

Thêm vào đó, việc những đường ống nhựa được phát minh vào thập niên 60 khiến cho quy trình thực hiện phương pháp tưới nhỏ giọt trở nên dễ dàng hơn cũng như ít tốn kém hơn.

Nhờ những cống hiến của mình, ông đã được trao thưởng giải "World Food Prize" năm 2012 cũng như trở thành giáo sư giảng dạy cho hàng loạt các trường đại học như Columbia, Massachusetts, Hebrew...

Ngoài ra, ông còn được mời cộng tác với nhiều tổ chức quốc tế như ngân hàng thế giới (World Bank), tổ chức nông lương quốc tế (FAO)...

Công trình của ông đã được ứng dụng rộng rãi tại Trung Đông và hiện đang lan ra nhiều khu vực khác như Châu Phi, Châu Á, Nam Mỹ hay Australia.

Với tình trạng môi trường ngày một ô nhiễm, thời tiết nóng lên và khí hậu ngày càng khắc nghiệt, công trình của giáo sư Hillel đang dần được phổ biến rộng rãi tại nhiều quốc gia. Không những thế, các nước còn cải tiến phương pháp tưới nhỏ giọt của chuyên gia Hillel, như sử dụng chất liệu ống tưới khác nhằm nâng cao hiệu quả tưới tiêu.

Tờ Wall Street Journal đã có bài phỏng vấn với giáo sư Hillel về công trình của ông cũng như những lo ngại về tình hình an ninh lương thực thế giới

Một giấc mơ

WSJ: Điều gì đã truyền cảm hứng để ông đến với ngành nông nghiệp?

Giáo sư Hillel: Tôi sinh ra ở Los Angeles vào năm 1930 lúc cuộc Đại khủng hoảng kinh tế Mỹ bắt đầu. Sau đó, khi còn rất nhỏ, tôi cùng với gia đình chuyển đến Palestine, khu vực mà sau này trở thành nhà nước Israel.

Vào năm 9 tuổi, gia đình chúng tôi được chính phủ sắp xếp vào sống tại một khu tái định cư (kibbutz) và tôi nhanh chóng nhận ra

từ thực tế rằng làm nông nghiệp trong điều kiện khô hạn ở Israel là một thử thách vô cùng khó khăn.

Tuy nhiên, cũng từ đây tôi bắt đầu có tình yêu với nông nghiệp, đất đai, trồng trọt, khí hậu. Tôi đã giữ tình yêu với nông nghiệp trong cả cuộc đời và nó trở thành niềm đam mê cũng như sự nghiệp của tôi. Quả thật, phát minh về hệ thống tưới nhỏ giọt là một món quà bất ngờ cũng như vô giá đối với tôi.

Tại thời điểm nào trong cuộc đời, ông chuyển sang tập trung nghiên cứu về phương pháp tưới nhỏ giọt?

Sau khi tôi tốt nghiệp trường đại học Hebrew vào cuối thập niên 50, tôi và các bạn của mình đã bắt đầu phát triển ý tưởng cải thiện hiệu quả sử dụng tài nguyên nước và đất trong nông nghiệp dưới điều kiện khí hậu khô hạn.

Quan điểm truyền thống của tưới tiêu trong nông nghiệp là dùng một lượng lớn nước làm ẩm đất, qua đó tạo điều kiện cho hạt mầm phát triển cũng như cung cấp dinh dưỡng cho cây. Tuy nhiên, chúng tôi nhận ra rằng phương pháp này khiến hạt mầm bị thừa nước khi mới tưới và dần thiếu nước trở lại cho đến khi người nông dân tưới thêm lần nữa, qua đó tốn quá nhiều nước.

Chúng tôi nhận ra rằng bằng việc tưới nhỏ giọt, chính xác tại nơi hạt mầm được gieo và với lượng nước vừa đủ, hạt mầm sẽ không lâm vào tình trạng thừa hay thiếu nước cũng như không bị ảnh hưởng tới quá trình phát triển.

Bằng cách này, hệ thống tưới tiêu sẽ được dùng bền vững hơn do lượng nước được sử dụng hiệu quả và người nông dân sẽ thu hoạch được nhiều hơn trên mỗi mét vuông trồng trọt.

Làm sao ông có thể phát triển từ một ý tưởng đơn giản thành một hệ thống lý thuyết và áp dụng chúng vào thực tế? Ông có gặp khó khăn nào không trong quá trình áp dụng hệ thống này?

Chúng tôi đã khá may mắn khi hệ thống ống nhựa được sản xuất đại trà với giá thành rẻ vào thập niên 60, qua đó giảm chi phí xây dựng hệ thống tưới tiêu nhỏ giọt.

Trước đó, hệ thống tưới nhỏ giọt chỉ có thể làm thủ công hoặc bằng những đường ống kim loại khá đắt đỏ cũng như thiếu sự chính xác trong tưới nước.

Hệ thống ống nhựa giúp người nông dân có thể tưới chính xác đến từng khu vực gieo hạt mầm với một lượng vừa phải, liên tục. Nhờ đó, chúng tôi có thể điều khiển bao nhiêu nước là đủ cho hạt mầm tùy vào giai đoạn tăng trưởng của cây.

Sức mạnh của một giọt nước

WSJ: Làm thế nào mà hệ thống tưới nhỏ giọt của ông lại được phổ biến ra toàn thế giới?

Giáo sư Hillel: Hệ thống tưới nhỏ giọt được cấp bằng sáng chế cho hãng Simcha Blass, sau đó được áp dụng vào thực tế tại Israel trong

thập niên 60. Kể từ đó, sự thành công của hệ thống này bắt đầu khiến chúng được toàn thế giới chú ý.

Trên thực tế, tôi cũng đã cộng tác với Liên hợp quốc (UN) và World Bank để phát triển hệ thống này tại hơn 30 quốc gia, bao gồm Jordan, Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE), Palestine cũng như các nước tại châu Á và châu Phi.

Tại sao hệ thống tưới nhỏ giọt của ông ngày nay lại ngày càng được nhân rộng như vậy?

Chúng ta có thể dễ dàng thấy rằng hệ thống tưới nhỏ giọt đang được nhân rộng ra nhiều khu vực trên thế giới như Mỹ, Ấn Độ, Châu Phi... Tất cả những vùng trên đều có chung một vấn đề là nhu cầu

tăng cường năng suất nông nghiệp do sự bùng nổ dân số và biến đổi khí hậu.

Hơn nữa, những quốc gia này đòi hỏi loại công nghệ có thể liên tục đổi mới, nâng cấp cũng như phục vụ được mọi loại cây trồng và thế là hệ thống tưới nhỏ giọt được áp dụng.

Chúng tôi đã thấy nhiều cải tiến trong việc sử dụng hệ thống này, như dùng năng lượng mặt trời để cung cấp điện cho hệ thống hay dùng vật lieuj mới, như gốm, để làm đường ống cho phù hợp điều kiện của từng vùng.

Ông có thể lấy ví dụ một quốc gia đã áp dụng thành công hệ thống tưới nhỏ giọt này không?

Theo tôi, Ai Cập là một ví dụ điển hình ngoài Israel đạt được thành công lớn với hệ thống tưới tiêu này. Đất nước này có dân số tăng trưởng nhanh và các nhà quản lý tại đây đã áp dụng thành công hệ thống tưới nhỏ giọt nhằm tăng cường năng suất nông nghiệp.

Tầm nhìn tương lai

WSJ: Theo ông, ngành nông nghiệp nói chung và hệ thống tưới tiêu nói riêng nên tập trung phát triển theo hướng nào trong tương lai?

Giáo sư Hillel: Theo tôi, thay vì chỉ kiểm soát tài nguyên đất, nước hoặc khoanh vùng khu vực trồng trọt, chính phủ các nước nên đặt trọng tâm vào toàn cảnh môi trường của quốc gia. Hệ thống tưới

tiêu không chỉ là vấn đề đất hay nước mà còn có thể bao gồm những yếu tố như cường độ ánh nắng, sức gió, hay thậm chí giống cây trồng.

Chúng ta nên hạn chế khu vực sản xuất nông nghiệp và tăng cường quản lý năng suất hơn là mở rộng tràn lan nhưng hiệu quả kém. Với cách làm này, sản lượng nông nghiệp vẫn tốt trong khi chúng ta có thể bảo vệ được điều kiện tự nhiên môi trường và đa dạng sinh học.

Ông có cho rằng chính phủ các nước cần làm nhiều hơn để đưa vấn đề nông nghiệp và an ninh lương thực thành trọng tâm trong chương trình nghị sự?

Tôi tin rằng chính phủ các quốc gia cũng như các tổ chức quốc tế cần phải làm nhiều hơn nữa trong vấn đề này.

Rõ ràng, những nguy cơ và vấn đề trước mắt như khủng hoảng kinh tế đang khiến các nhà lãnh đạo mát sự tập trung đối với mối nguy dài hạn, đó là sự suy giảm điều kiện sống, sự đa dạng sinh học trong xã hội loài người do bị ảnh hưởng từ sự suy giảm tài nguyên cũng như biến đổi khí hậu.

Hoàng Nam
Theo Trí Thức Trẻ